

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

DANH SÁCH CA THI TAY NGHỀ NGÀNH NGƯ NGHIỆP NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số /TTLĐNN-TCLĐ ngày /11/2025)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1	50309371	TRAN TAN PHUOC	21/03/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B223	An Giang
2	50309372	TRAN HOANG NHUT	05/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B224	An Giang
3	50309373	NGUYEN VAN HAI	09/11/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B225	An Giang
4	50309376	LE HUU TINH	12/04/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B226	An Giang
5	50309377	NGUYEN HUU CANH	05/05/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B227	An Giang
6	50309378	PHAN THANH QUAN	24/06/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B228	An Giang
7	50309379	HO HUY KHANH	05/02/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B229	An Giang
8	50309380	BUI VAN CHUNG	06/05/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B230	An Giang
9	50309381	LA NGUYEN KHANH	17/09/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B231	An Giang
10	50309382	KHUU VAN DAI	27/03/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B232	An Giang
11	50309383	LUONG NGUYEN THANH BAO	03/10/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B233	An Giang
12	50309384	NGUYEN THANH XUYEN	11/04/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B234	An Giang
13	50309385	LE HOANG PHUC	26/12/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B235	An Giang
14	50309631	PHAM VAN GAP	24/12/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B236	Cà Mau
15	50309632	NGUYEN HOANG PHUC	25/11/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B237	Cà Mau
16	50309681	LE VIET HUNG	17/09/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B238	Cà Mau
17	50309682	BUI HUNG ANH	01/01/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B239	Cà Mau
18	50309683	HO MINH DUONG	19/11/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B240	Cà Mau
19	50309684	TRAN NHAT ANH	24/05/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B241	Cà Mau
20	50309685	NGUYEN LE LAN	26/09/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B242	Cà Mau
21	50308522	LE DUC TOAN	05/10/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B113	Đắk Lắk
22	50308525	NGUYEN VAN NHAN	12/06/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B114	Đắk Lắk
23	50308431	NGUYEN THANH LUAN	12/04/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B096	Gia Lai
24	50308432	NGUYEN VAN SU	07/10/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B097	Gia Lai
25	50308433	NGUYEN TRONG BAO	12/12/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B098	Gia Lai
26	50308435	DO NHI VIEN	08/11/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B099	Gia Lai
27	50308436	NGO GIA TOAN	06/08/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B100	Gia Lai
28	50308437	TRAN THI MY DUYEN	28/05/1994	Nữ	14/11/2025	Ca 2	5	B101	Gia Lai
29	50308439	LE THANH PHONG	21/09/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B102	Gia Lai
30	50308440	TRAN NGOC VIET	03/06/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B103	Gia Lai
31	50308441	NGUYEN HUNG SO	07/02/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B104	Gia Lai
32	50308442	TRAN MINH BINH	16/06/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B105	Gia Lai
33	50308443	NGUYEN VAN LUONG NHAT	16/04/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B106	Gia Lai
34	50308444	NGO QUANG PHUC	20/12/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B107	Gia Lai
35	50308445	LE THI NHI	11/07/1996	Nữ	14/11/2025	Ca 2	5	B108	Gia Lai
36	50308446	HA THANH QUOC	27/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B109	Gia Lai
37	50308447	NGUYEN NGOC TU	02/04/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B110	Gia Lai
38	50304302	NGUYEN THI THU HUYEN	20/05/2000	Nữ	13/11/2025	Ca 2	1	B018	Hà Tĩnh
39	50304303	VO DUC ANH	18/02/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B019	Hà Tĩnh
40	50304304	HOANG HAI LINH	10/01/2007	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B020	Hà Tĩnh
41	50304308	DUONG DANH TRONG	24/03/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B021	Hà Tĩnh
42	50304309	HOANG MANH HUNG	06/11/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B022	Hà Tĩnh
43	50304310	HOANG VAN CUONG	19/09/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B023	Hà Tĩnh
44	50304311	NGUYEN THI PHUONG	26/07/1998	Nữ	13/11/2025	Ca 2	2	B024	Hà Tĩnh
45	50304312	NGUYEN KHAC QUANG	02/09/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B025	Hà Tĩnh
46	50304313	NGUYEN THI TUYET	08/11/2002	Nữ	13/11/2025	Ca 2	2	B026	Hà Tĩnh
47	50304316	TRAN VAN NHAN	19/07/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B027	Hà Tĩnh
48	50304317	LE THI BE NGHIA	20/06/2000	Nữ	13/11/2025	Ca 2	2	B028	Hà Tĩnh
49	50304318	TRAN VAN HUNG	17/12/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B029	Hà Tĩnh
50	50304319	VO HONG DAT	12/10/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B030	Hà Tĩnh
51	50304320	TRAN VIET THANH	19/12/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B031	Hà Tĩnh
52	50304322	LE THI BE TINH	20/06/2000	Nữ	13/11/2025	Ca 2	2	B032	Hà Tĩnh
53	50304323	LE THI HA CHI	16/06/2006	Nữ	13/11/2025	Ca 2	2	B033	Hà Tĩnh
54	50304324	PHAM VAN DIEP	24/10/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B034	Hà Tĩnh
55	50304328	NGUYEN TIEN HAI	02/06/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B035	Hà Tĩnh
56	50304329	TRAN VAN ANH	18/10/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B036	Hà Tĩnh
57	50304330	TRAN VAN DUC	02/05/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B037	Hà Tĩnh
58	50304333	NGUYEN VAN DUNG	19/05/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B038	Hà Tĩnh
59	50304336	NGUYEN TRUNG HIEU	10/10/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B039	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
60	50304338	PHUONG THE NGOC	03/03/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B040	Hà Tĩnh
61	50304339	NGUYEN HOANG PHI	12/02/2007	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B121	Hà Tĩnh
62	50304341	LUONG DINH HUY	12/07/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B122	Hà Tĩnh
63	50304342	NGUYEN VAN TUAN	11/06/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B123	Hà Tĩnh
64	50304343	KIEU VAN HAI	12/11/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B124	Hà Tĩnh
65	50304345	HOANG TRONG TRUNG	06/11/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B125	Hà Tĩnh
66	50304347	NGUYEN VAN TAM	02/09/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B126	Hà Tĩnh
67	50304348	THAI VAN NAM	02/08/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B127	Hà Tĩnh
68	50304349	TRAN DINH TAY	11/03/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B128	Hà Tĩnh
69	50304351	THAI VAN DUNG	06/06/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B129	Hà Tĩnh
70	50304354	LE VAN HUNG	10/01/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B130	Hà Tĩnh
71	50304355	NGUYEN TUAN VIET	06/07/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B131	Hà Tĩnh
72	50304356	NGUYEN NGOC KHANH DUY	14/07/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B132	Hà Tĩnh
73	50304357	LE KHANH DUONG	03/03/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B133	Hà Tĩnh
74	50304359	LE VAN MANH	02/09/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B134	Hà Tĩnh
75	50304361	NGUYEN VAN DUONG	01/07/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B135	Hà Tĩnh
76	50304362	NGUYEN HUU NHAN	17/04/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B136	Hà Tĩnh
77	50304363	LE VAN THO	28/01/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B137	Hà Tĩnh
78	50304364	LE VAN TY	16/08/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B138	Hà Tĩnh
79	50304365	NGUYEN NAM KY	18/02/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B139	Hà Tĩnh
80	50304367	NGUYEN VAN HOAI	12/10/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B140	Hà Tĩnh
81	50304368	LE VAN LUONG	02/01/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B141	Hà Tĩnh
82	50304369	NGUYEN DINH DOAN	01/03/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B142	Hà Tĩnh
83	50304370	NGUYEN DINH THANH	10/04/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B143	Hà Tĩnh
84	50304372	LE VAN HOAN	22/12/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B144	Hà Tĩnh
85	50304373	TRAN VAN HUY	12/09/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B145	Hà Tĩnh
86	50304374	NGUYEN TIEN HUNG	04/12/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B146	Hà Tĩnh
87	50304375	NGUYEN LONG VU	30/05/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	7	B147	Hà Tĩnh
88	50304376	TRAN QUOC NGHIA	14/08/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B148	Hà Tĩnh
89	50304377	TRAN QUANG HUY	12/06/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B149	Hà Tĩnh
90	50304378	TRAN THI NGOC	01/01/2000	Nữ	13/11/2025	Ca 2	8	B150	Hà Tĩnh
91	50304379	TRAN THI KIM NGAN	12/10/2003	Nữ	13/11/2025	Ca 2	8	B151	Hà Tĩnh
92	50304380	DUONG XUAN PHUONG	12/08/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B152	Hà Tĩnh
93	50304383	DUONG XUAN KHANH	05/02/2007	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B153	Hà Tĩnh
94	50304385	TRAN VAN PHU	16/06/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B154	Hà Tĩnh
95	50304388	NGUYEN TIEN THO	20/06/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B155	Hà Tĩnh
96	50304391	TRAN KHANH DUY	12/07/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B156	Hà Tĩnh
97	50304393	NGUYEN SY HUY	30/06/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B157	Hà Tĩnh
98	50304394	BUI ANH SON	01/03/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B158	Hà Tĩnh
99	50304395	DUONG NGOC HA	11/08/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B159	Hà Tĩnh
100	50304397	PHAM VAN TOAN	22/11/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B160	Hà Tĩnh
101	50304398	DANG XUAN TAM	05/10/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B241	Hà Tĩnh
102	50304402	HOANG VAN PHI	22/04/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B242	Hà Tĩnh
103	50304405	TRAN VAN AN	20/11/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B243	Hà Tĩnh
104	50304406	NGUYEN VAN QUYNH	10/11/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B244	Hà Tĩnh
105	50304408	TRAN HUU TUNG	25/03/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B245	Hà Tĩnh
106	50304413	NGUYEN TIEN HOANG	22/11/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B246	Hà Tĩnh
107	50304414	HOANG NGOC HOA	12/04/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B247	Hà Tĩnh
108	50304415	TRAN VAN HIEU	10/02/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B248	Hà Tĩnh
109	50304417	NGUYEN VAN QUY	27/11/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B249	Hà Tĩnh
110	50304418	VUONG DINH QUOC	14/08/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B250	Hà Tĩnh
111	50304419	NGUYEN VAN TAI	25/01/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B251	Hà Tĩnh
112	50304421	NGUYEN THI OANH	16/04/1993	Nữ	13/11/2025	Ca 2	12	B252	Hà Tĩnh
113	50304422	NGUYEN THI HOANG LINH	18/05/2003	Nữ	13/11/2025	Ca 2	13	B253	Hà Tĩnh
114	50304423	QUACH TRONG THINH	26/06/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B254	Hà Tĩnh
115	50304424	NGUYEN VAN CUONG	18/02/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B255	Hà Tĩnh
116	50304427	NGUYEN TIEN TU	09/09/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B256	Hà Tĩnh
117	50304428	TRAN XUAN TUAN	01/01/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B257	Hà Tĩnh
118	50304430	BUI VAN QUANG	19/09/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B258	Hà Tĩnh
119	50304431	HA VAN DAT	23/01/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B259	Hà Tĩnh
120	50304433	HOANG DINH HOA	22/01/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B260	Hà Tĩnh
121	50304434	DUONG VAN NINH	02/05/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B261	Hà Tĩnh
122	50304435	NGUYEN VAN DUNG	07/06/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B262	Hà Tĩnh
123	50304436	NGUYEN THI HUONG	15/08/1993	Nữ	13/11/2025	Ca 2	13	B263	Hà Tĩnh
124	50304438	LE QUOC BAO	09/06/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B264	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
125	50304439	NGUYEN TUAN HUNG	30/06/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B265	Hà Tĩnh
126	50304440	TRAN DUC CHIEN	04/08/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B266	Hà Tĩnh
127	50304441	KIEU VAN TINH	10/04/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B267	Hà Tĩnh
128	50304442	NGUYEN VAN DUNG	20/05/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B268	Hà Tĩnh
129	50304446	DUONG HUY LY	04/04/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B269	Hà Tĩnh
130	50304448	NGUYEN VIET ANH	20/10/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B270	Hà Tĩnh
131	50304449	VO VAN QUANG	02/10/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B271	Hà Tĩnh
132	50304450	TO NGOC NHAN	19/07/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B272	Hà Tĩnh
133	50304455	HOANG VAN THANH	12/07/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	13	B273	Hà Tĩnh
134	50304456	NGUYEN QUANG ANH	03/01/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B288	Hà Tĩnh
135	50304457	MAI XUAN QUY	20/04/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B289	Hà Tĩnh
136	50304458	HOANG TRINH DUYET	23/06/1987	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B290	Hà Tĩnh
137	50304460	MAI XUAN DIEN	06/03/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B291	Hà Tĩnh
138	50304461	DAO DUY TRUNG	29/06/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B292	Hà Tĩnh
139	50304462	NGUYEN VAN DUC	15/07/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B293	Hà Tĩnh
140	50304463	NGUYEN VAN HAI	20/08/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B294	Hà Tĩnh
141	50304464	LE HONG TIEN	02/02/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B321	Hà Tĩnh
142	50304469	DAU MINH CHIEN	20/06/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B322	Hà Tĩnh
143	50304471	NGUYEN DINH HUNG	16/08/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B323	Hà Tĩnh
144	50304474	NGUYEN TIEN SY	10/08/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B324	Hà Tĩnh
145	50304475	LE ANH PHONG	30/08/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B325	Hà Tĩnh
146	50304476	NGUYEN VAN DANG	12/04/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B326	Hà Tĩnh
147	50304477	PHAN DINH LOI	12/06/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B327	Hà Tĩnh
148	50304478	TRAN QUOC TRUYEN	01/07/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B328	Hà Tĩnh
149	50304479	HO VAN PHU	27/05/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B329	Hà Tĩnh
150	50304480	TRAN VAN CHUONG	10/02/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B330	Hà Tĩnh
151	50304482	TRAN NGOC ANH	03/01/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B331	Hà Tĩnh
152	50304484	NGUYEN VIET HUYNH	19/09/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B332	Hà Tĩnh
153	50304485	KIEU THI AO	21/05/1998	Nữ	13/11/2025	Ca 2	16	B333	Hà Tĩnh
154	50304486	KIEU THI LOAN	25/09/1995	Nữ	13/11/2025	Ca 2	16	B334	Hà Tĩnh
155	50304488	VO VAN HOANG	02/06/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B335	Hà Tĩnh
156	50304489	DINH VAN KIEN	15/05/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B336	Hà Tĩnh
157	50304491	NGUYEN VAN TU GIAP	10/09/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B337	Hà Tĩnh
158	50304492	TRAN TRUNG NHAN	07/09/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B338	Hà Tĩnh
159	50304493	HO VAN CONG	05/09/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B339	Hà Tĩnh
160	50304494	VO QUANG HOANG	27/11/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B340	Hà Tĩnh
161	50304495	TRAN HUU LOC	02/03/2007	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B341	Hà Tĩnh
162	50304496	LE VAN KHONG	20/07/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B342	Hà Tĩnh
163	50304497	PHAM VAN AN	20/10/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B343	Hà Tĩnh
164	50304498	NGUYEN TONG SY	27/03/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B344	Hà Tĩnh
165	50304499	PHAN VAN LINH	08/03/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B345	Hà Tĩnh
166	50304500	NGUYEN VAN THIEN	06/11/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B346	Hà Tĩnh
167	50304501	BUI DUY LINH	27/09/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B347	Hà Tĩnh
168	50304502	HOANG VAN CONG MINH	14/01/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B348	Hà Tĩnh
169	50304504	TRAN VAN TU	13/11/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B349	Hà Tĩnh
170	50304505	PHAM VAN VIET	05/10/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B350	Hà Tĩnh
171	50304506	VO QUANG TRUNG	12/04/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B351	Hà Tĩnh
172	50304513	LE VAN LUU	29/12/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B352	Hà Tĩnh
173	50304514	LE CONG MINH	22/01/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A011	Hà Tĩnh
174	50304516	HOANG VAN DIEN	07/03/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A012	Hà Tĩnh
175	50304517	HOANG NHAT ANH	29/04/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A013	Hà Tĩnh
176	50304518	TO MINH HOANG	03/07/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A014	Hà Tĩnh
177	50304519	TO VIET BAO	06/07/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A015	Hà Tĩnh
178	50304520	NGUYEN TIEN TRUNG	11/10/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A016	Hà Tĩnh
179	50304521	HOANG VAN LONG	20/12/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A017	Hà Tĩnh
180	50304522	HOANG VAN QUANG	07/01/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A018	Hà Tĩnh
181	50304525	VO THI HANG	02/12/1995	Nữ	14/11/2025	Ca 1	1	A019	Hà Tĩnh
182	50304527	NGUYEN XUAN CHUNG	27/04/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A020	Hà Tĩnh
183	50304528	NGUYEN CAO SANG	04/02/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A021	Hà Tĩnh
184	50304529	PHAN LONG NHAT	28/05/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A022	Hà Tĩnh
185	50304530	NGUYEN HUU CHI	23/01/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A023	Hà Tĩnh
186	50304531	DANG QUOC BINH	25/10/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A024	Hà Tĩnh
187	50304532	VO QUANG LINH	22/02/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A025	Hà Tĩnh
188	50304533	NGUYEN TIEN NAM	20/07/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A026	Hà Tĩnh
189	50304534	NGUYEN CHI BAO	15/02/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A027	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
190	50304535	LE CONG VIET	17/01/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A028	Hà Tĩnh
191	50304536	HO ANH VU	28/04/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A029	Hà Tĩnh
192	50304537	LE VAN VU	26/11/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A030	Hà Tĩnh
193	50304540	TRAN DINH ANH	07/09/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A031	Hà Tĩnh
194	50304542	TRAN XUAN HA	10/03/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A032	Hà Tĩnh
195	50304544	TRAN VAN VU	19/02/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A033	Hà Tĩnh
196	50304545	NGUYEN BA LAM	02/07/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A034	Hà Tĩnh
197	50304546	VO QUANG THANG	12/05/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A035	Hà Tĩnh
198	50304547	NGUYEN VAN LUC	26/02/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A036	Hà Tĩnh
199	50304549	NGUYEN PHUONG NAM	02/02/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A037	Hà Tĩnh
200	50304554	HOANG ANH VAN	18/09/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A038	Hà Tĩnh
201	50304555	NGUYEN TAT THANH	21/12/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A039	Hà Tĩnh
202	50304556	NGUYEN XUAN SANG	10/12/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A040	Hà Tĩnh
203	50304557	NGUYEN VAN HUNG	12/10/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A041	Hà Tĩnh
204	50304559	VO HONG THAI BAO	30/12/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A042	Hà Tĩnh
205	50304560	LE CONG CHINH	24/04/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A043	Hà Tĩnh
206	50304563	TRAN NGOC TIEN	02/07/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	2	A044	Hà Tĩnh
207	50304565	VO HONG HUNG	06/07/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A045	Hà Tĩnh
208	50304567	TRAN THI SANG	23/09/1997	Nữ	14/11/2025	Ca 1	3	A046	Hà Tĩnh
209	50304571	LE VIET HA	07/07/1988	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A047	Hà Tĩnh
210	50304574	HOANG VAN HOI	12/09/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A048	Hà Tĩnh
211	50304575	LE ANH TUAN	25/04/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A049	Hà Tĩnh
212	50304576	DUONG DINH TINH	01/01/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A050	Hà Tĩnh
213	50304577	TRAN NHAT MINH	13/07/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A131	Hà Tĩnh
214	50304581	NGUYEN HUY GIAP	19/05/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A132	Hà Tĩnh
215	50304582	NGUYEN VAN DOAN	30/07/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A133	Hà Tĩnh
216	50304586	NGUYEN ANH TUAN	10/02/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A134	Hà Tĩnh
217	50304588	LE HONG SON	10/03/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A135	Hà Tĩnh
218	50304589	TRAN THANH QUANG	09/10/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A136	Hà Tĩnh
219	50304590	TRAN THI HANH	07/12/1991	Nữ	14/11/2025	Ca 1	7	A137	Hà Tĩnh
220	50304591	NGUYEN VAN DAT	18/07/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A138	Hà Tĩnh
221	50304593	NGUYEN ANH VIET	10/05/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A139	Hà Tĩnh
222	50304594	NGUYEN TAN PHAT	19/02/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A140	Hà Tĩnh
223	50304595	HOANG NHAT TUAN VU	01/07/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A141	Hà Tĩnh
224	50304596	NGUYEN THANH LONG	13/10/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A142	Hà Tĩnh
225	50304597	TRAN VAN MAN	19/08/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A143	Hà Tĩnh
226	50304598	NGUYEN THI KIM LOAN	01/04/2007	Nữ	14/11/2025	Ca 1	7	A144	Hà Tĩnh
227	50304600	VO VAN NGHIA	06/09/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A145	Hà Tĩnh
228	50304601	NGUYEN TIEN CHUNG	21/10/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A146	Hà Tĩnh
229	50304604	TRUONG MINH ANH	14/01/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A147	Hà Tĩnh
230	50304605	TRAN HIEN DAI	01/01/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A148	Hà Tĩnh
231	50304606	TRINH DINH DANG	03/12/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A149	Hà Tĩnh
232	50304607	TRAN THI HOA	25/12/1994	Nữ	14/11/2025	Ca 1	7	A150	Hà Tĩnh
233	50304609	BUI VAN TUAN	09/09/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A151	Hà Tĩnh
234	50304610	NGUYEN VAN NAM	07/09/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A152	Hà Tĩnh
235	50304611	TRAN QUOC VUONG	02/02/2007	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A153	Hà Tĩnh
236	50304612	PHAM CONG HA	09/09/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	7	A154	Hà Tĩnh
237	50304613	NGUYEN VAN CUONG	10/01/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A155	Hà Tĩnh
238	50304614	THIEU SINH HUONG	08/02/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A156	Hà Tĩnh
239	50304615	TO VAN SON	22/02/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A157	Hà Tĩnh
240	50304617	NGUYEN TUAN ANH	02/02/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A158	Hà Tĩnh
241	50304618	PHAN HOANG SON	23/09/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A159	Hà Tĩnh
242	50304619	PHAM VAN MINH	26/03/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A160	Hà Tĩnh
243	50304620	TRAN XUAN HIEU	19/09/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A161	Hà Tĩnh
244	50304624	NGUYEN TRINH DU	23/02/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A162	Hà Tĩnh
245	50304625	DO QUOC MINH	15/02/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A163	Hà Tĩnh
246	50304626	MAI XUAN NAM	28/07/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A164	Hà Tĩnh
247	50304627	NGUYEN VAN KHOA	14/07/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A165	Hà Tĩnh
248	50304628	NGUYEN VAN TAI	02/10/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A166	Hà Tĩnh
249	50304629	MAI XUAN DANH	16/12/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A167	Hà Tĩnh
250	50304631	PHAM VAN HONG	27/01/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A168	Hà Tĩnh
251	50304632	PHAN TIEN SON	08/03/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A169	Hà Tĩnh
252	50304634	NGUYEN VAN TY	19/03/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A170	Hà Tĩnh
253	50304639	BUI VAN LANH	21/10/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A251	Hà Tĩnh
254	50304642	NGUYEN VAN HAI	06/01/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A252	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
255	50304643	DANG XUAN SAU	19/06/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A253	Hà Tĩnh
256	50304646	NGUYEN DINH PHU	13/06/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A254	Hà Tĩnh
257	50304647	TRAN MANH DUNG	20/05/2007	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A255	Hà Tĩnh
258	50304651	HO XUAN DUONG	21/08/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A256	Hà Tĩnh
259	50304652	TRAN VAN SANG	24/08/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A257	Hà Tĩnh
260	50304653	KIEU VAN PHAP	01/01/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A258	Hà Tĩnh
261	50304654	KIEU VAN HOANG	25/02/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A259	Hà Tĩnh
262	50304656	PHAM HOANG NAM	13/06/2007	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A260	Hà Tĩnh
263	50304658	LE VAN PHU	03/07/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A261	Hà Tĩnh
264	50304660	TRAN TUAN VU	05/09/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A262	Hà Tĩnh
265	50304662	NGUYEN VAN TUAN TU	26/12/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A263	Hà Tĩnh
266	50304663	LE HUU DUY	13/03/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A264	Hà Tĩnh
267	50304664	TRUONG QUANG THUONG	18/07/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A265	Hà Tĩnh
268	50304665	TRUONG DAI DUONG	15/05/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A266	Hà Tĩnh
269	50304666	LE VAN SANG	01/02/2007	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A267	Hà Tĩnh
270	50304669	NGUYEN TRUONG BAO	26/07/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A268	Hà Tĩnh
271	50304670	NGUYEN DINH HAI	14/01/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A269	Hà Tĩnh
272	50304671	NGUYEN DINH BA	23/03/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A270	Hà Tĩnh
273	50304672	HA VAN KHANH	28/02/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A271	Hà Tĩnh
274	50304674	TRAN VAN DAT	27/12/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A272	Hà Tĩnh
275	50304675	TRAN VAN BAC	13/09/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A273	Hà Tĩnh
276	50304676	NGUYEN VAN LONG	22/08/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A274	Hà Tĩnh
277	50304677	NGUYEN XUAN HUNG	05/07/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A275	Hà Tĩnh
278	50304678	KIEU VAN TUAN	16/09/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A276	Hà Tĩnh
279	50304679	PHAN DINH HOANG	08/02/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A277	Hà Tĩnh
280	50304681	PHAN VIET HOA	13/10/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A278	Hà Tĩnh
281	50304682	NGUYEN MINH TUAN	16/01/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A279	Hà Tĩnh
282	50304686	NGUYEN VAN TRINH	07/08/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A280	Hà Tĩnh
283	50304687	NGUYEN HUU TRUONG	06/11/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A281	Hà Tĩnh
284	50304688	DUONG THANH NAM	15/08/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A282	Hà Tĩnh
285	50304690	NGUYEN VAN DANG	28/09/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A283	Hà Tĩnh
286	50304691	NGUYEN VAN BA	10/09/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A284	Hà Tĩnh
287	50304692	PHAN VAN THANG	23/05/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A285	Hà Tĩnh
288	50304694	NGUYEN VAN NUI	20/08/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	13	A286	Hà Tĩnh
289	50304695	NGUYEN QUOC HOAN	13/01/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A287	Hà Tĩnh
290	50304696	VO VAN SY	15/04/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A288	Hà Tĩnh
291	50304698	TRAN HUU NAM	16/11/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A289	Hà Tĩnh
292	50304699	NGUYEN VAN TAI EM	27/10/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A290	Hà Tĩnh
293	50304700	TRAN DINH TRIEN	30/03/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A371	Hà Tĩnh
294	50304701	NGUYEN KHAC DUC	06/07/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A372	Hà Tĩnh
295	50304702	TRAN DINH NIEN	16/03/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A373	Hà Tĩnh
296	50304703	TRAN DINH KHANG	06/01/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A374	Hà Tĩnh
297	50304704	HOANG KIM CHAT	08/07/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A375	Hà Tĩnh
298	50304706	LE VAN BAC	07/02/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A376	Hà Tĩnh
299	50304708	TRAN CONG BAC	07/07/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A377	Hà Tĩnh
300	50304709	TRAN VAN NGOC	24/03/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A378	Hà Tĩnh
301	50304711	NGUYEN DUC THINH	21/12/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A379	Hà Tĩnh
302	50304712	NGUYEN VAN VINH	07/04/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A380	Hà Tĩnh
303	50304713	NGUYEN VAN TAY	17/05/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A381	Hà Tĩnh
304	50304715	HOANG TUAN ANH	20/05/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A382	Hà Tĩnh
305	50304716	NGUYEN HUU SON	20/02/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A383	Hà Tĩnh
306	50304717	NGUYEN DINH THONG	20/01/1986	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A384	Hà Tĩnh
307	50304718	NGUYEN THANH LAM	29/07/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A385	Hà Tĩnh
308	50304719	TRAN DINH TUNG	26/07/1987	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A386	Hà Tĩnh
309	50304721	NGUYEN BA TUAN DAT	20/05/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A387	Hà Tĩnh
310	50304725	LE XUAN TIEN	08/08/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A388	Hà Tĩnh
311	50304727	HO DUY CHUNG	03/02/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A389	Hà Tĩnh
312	50304728	LE KHANH HOANG	18/05/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A390	Hà Tĩnh
313	50304732	THAI THI THOAN	08/02/1999	Nữ	14/11/2025	Ca 1	18	A391	Hà Tĩnh
314	50304733	NGUYEN BAO NGON	04/10/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A392	Hà Tĩnh
315	50304735	HOANG VAN TIEN	18/01/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A393	Hà Tĩnh
316	50304736	TO VIET DAT	19/03/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A394	Hà Tĩnh
317	50304738	HOANG THANH DAT	08/04/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A395	Hà Tĩnh
318	50304739	NGUYEN VAN HUNG	10/01/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	18	A396	Hà Tĩnh
319	50304743	LE VAN KHANH	26/06/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A397	Hà Tĩnh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
320	50304744	TRUONG VIET HOANG	20/03/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A398	Hà Tĩnh
321	50304745	DUONG DINH THANH	10/10/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A399	Hà Tĩnh
322	50304747	NGUYEN VAN HOANG	07/02/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A400	Hà Tĩnh
323	50304748	NGUYEN HAI DANG	10/05/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A401	Hà Tĩnh
324	50304749	NGUYEN KHANH HUNG	05/06/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A402	Hà Tĩnh
325	50304750	TO MANH TAI	10/07/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A403	Hà Tĩnh
326	50304751	NGUYEN THANH BINH	05/04/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A404	Hà Tĩnh
327	50304754	NGUYEN THI YEN	28/09/2005	Nữ	14/11/2025	Ca 1	19	A405	Hà Tĩnh
328	50304756	DANG QUOC CUONG	15/05/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A406	Hà Tĩnh
329	50304759	TRAN TRUNG TIEP	10/09/1988	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A407	Hà Tĩnh
330	50304764	TRAN DANG QUANG	03/11/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A408	Hà Tĩnh
331	50304766	PHAN THANH NHAT	02/03/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A409	Hà Tĩnh
332	50304767	NGUYEN DINH HAI	16/03/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A410	Hà Tĩnh
333	50304768	NGUYEN DOAN QUOC	17/06/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B051	Hà Tĩnh
334	50304770	KIEU THI KIM DUNG	03/09/1994	Nữ	14/11/2025	Ca 2	3	B052	Hà Tĩnh
335	50304773	VO CONG PHU	26/03/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B053	Hà Tĩnh
336	50304777	NGUYEN TIEN ANH QUAN	01/10/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B054	Hà Tĩnh
337	50304779	NGUYEN MINH HOANH	20/10/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B055	Hà Tĩnh
338	50304780	HOANG THI VAN	12/03/1997	Nữ	14/11/2025	Ca 2	3	B056	Hà Tĩnh
339	50300481	TRAN MINH QUANG	11/10/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B411	Hưng Yên
340	50300482	DO MINH HIEP	02/03/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B412	Hưng Yên
341	50300483	NGUYEN VAN THANH	06/12/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B413	Hưng Yên
342	50300484	BUI BA THANG	19/12/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B414	Hưng Yên
343	50300485	NGUYEN VAN LINH	29/03/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B419	Hưng Yên
344	50300486	TA DUC THONG	06/05/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B420	Hưng Yên
345	50300487	HOANG VAN DUAN	09/07/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B421	Hưng Yên
346	50300488	VU THE QUAN	09/11/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B422	Hưng Yên
347	50300489	PHAM THE HUNG	02/06/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B423	Hưng Yên
348	50300490	NGUYEN VAN QUYET	15/05/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B424	Hưng Yên
349	50300491	TRAN VAN THANH	10/12/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B425	Hưng Yên
350	50309001	NGUYEN TAN NAM	29/11/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B115	Khánh Hòa
351	50309051	TRAN MINH NHAT	05/01/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B116	Khánh Hòa
352	50309052	NGUYEN VAN THAT	19/02/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B117	Khánh Hòa
353	50309053	PHAN QUOC SOAN	23/07/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B118	Khánh Hòa
354	50309054	PHAM TRONG HAI	07/12/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B119	Khánh Hòa
355	50309055	NGUYEN TRUNG HIEU	10/03/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B120	Khánh Hòa
356	50309056	PHAM DINH DUY CUONG	24/10/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B121	Khánh Hòa
357	50309057	NGUYEN VAN TRUNG	17/05/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B122	Khánh Hòa
358	50309060	MAI VAN SON	20/06/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B123	Khánh Hòa
359	50309061	NGUYEN NGOC DINH	20/12/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B124	Khánh Hòa
360	50309063	HO ANH GIAU	11/11/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B125	Khánh Hòa
361	50309065	TONG VAN VIET	31/10/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B126	Khánh Hòa
362	50309081	NGUYEN NGOC TUAN	01/01/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B127	Lâm Đồng
363	50309082	LE HOANG XUAN QUY	10/09/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B128	Lâm Đồng
364	50309083	NGUYEN VAN THE	25/12/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B129	Lâm Đồng
365	50309084	TRAN XUAN KHAI	03/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B130	Lâm Đồng
366	50309085	NGUYEN THANH LONG	08/01/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B131	Lâm Đồng
367	50309086	VO VAN HUU	20/02/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B132	Lâm Đồng
368	50309087	TRAN VAN HOANG	26/10/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B211	Lâm Đồng
369	50309088	NGUYEN VAN THAO	30/03/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B212	Lâm Đồng
370	50309089	NGUYEN VAN THAI	04/04/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B213	Lâm Đồng
371	50309091	HO VAN TUAN	13/02/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B214	Lâm Đồng
372	50309092	LE THANH CHUNG	15/05/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B215	Lâm Đồng
373	50309093	TRAN DAI HUNG CUONG	23/05/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B216	Lâm Đồng
374	50303001	HOANG VAN TRUNG	11/10/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B146	Nghệ An
375	50303002	PHAM VAN NHAN	27/03/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B147	Nghệ An
376	50303003	HO XUAN SANG	16/02/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B148	Nghệ An
377	50303004	HO THI THUY	26/05/1996	Nữ	14/11/2025	Ca 2	7	B149	Nghệ An
378	50303007	LE VAN LOI	15/07/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B150	Nghệ An
379	50303009	MAI THI MY	22/10/1999	Nữ	14/11/2025	Ca 2	7	B151	Nghệ An
380	50303010	LE VAN QUANG	10/12/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B152	Nghệ An
381	50303011	BUI VAN LAM	19/08/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B153	Nghệ An
382	50303012	BUI VAN AN	03/09/1989	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B154	Nghệ An
383	50303013	VU DUC CUONG	19/05/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B155	Nghệ An
384	50303015	DANG THI LINH	24/07/2002	Nữ	14/11/2025	Ca 2	8	B156	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
385	50303016	LE VAN DAC	19/05/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B157	Nghệ An
386	50303017	NGUYEN VAN VIEN	01/02/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B158	Nghệ An
387	50303018	LE HONG KIEN	05/05/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B159	Nghệ An
388	50303019	TRAN XUAN HOA	23/04/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B160	Nghệ An
389	50303020	LE VAN MINH	11/06/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B161	Nghệ An
390	50303021	NGUYEN VAN HIEU	15/07/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B162	Nghệ An
391	50303023	HOANG LONG VU	14/09/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B163	Nghệ An
392	50303024	HOANG VAN NAM	01/06/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B164	Nghệ An
393	50303026	VU DUC KHAI	17/07/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B165	Nghệ An
394	50303027	NGUYEN VAN VIET	10/08/2007	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B166	Nghệ An
395	50303028	VAN SY DAI	26/05/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B167	Nghệ An
396	50303029	NGUYEN VAN SON	18/05/1989	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B168	Nghệ An
397	50303030	HO SI THUC	01/03/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B169	Nghệ An
398	50303031	TRUONG QUANG LINH	27/04/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B170	Nghệ An
399	50303034	DAU DINH HIEU	06/08/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B221	Nghệ An
400	50303035	LE BA THOA	28/06/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	11	B222	Nghệ An
401	50303036	DAU VAN HAI	10/07/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B243	Nghệ An
402	50303037	LE BA THAI	10/08/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B244	Nghệ An
403	50303039	LE THANH BIN	14/10/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B245	Nghệ An
404	50303041	DAU DINH HUNG	23/03/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B246	Nghệ An
405	50303042	TRAN XUAN HIEU	02/09/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B247	Nghệ An
406	50303044	LE BA SON	20/04/1989	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B248	Nghệ An
407	50303045	LE BA THANH	05/02/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B249	Nghệ An
408	50303053	HO VAN DIEU	01/04/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B250	Nghệ An
409	50303055	VU DUC LUU	27/03/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B251	Nghệ An
410	50303058	NGUYEN NHO THO	29/07/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B252	Nghệ An
411	50303060	NGUYEN VAN HAI	25/03/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B253	Nghệ An
412	50303064	LE VAN DAT	06/12/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B254	Nghệ An
413	50303065	NGUYEN XUAN HOC	09/08/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B255	Nghệ An
414	50303067	TRAN XUAN VI	14/05/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B256	Nghệ An
415	50303069	LE VAN HA	03/02/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B257	Nghệ An
416	50303070	TRAN SY TIEN	16/05/2007	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B258	Nghệ An
417	50303071	TRAN XUAN DAN	26/03/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B259	Nghệ An
418	50303072	DAU DINH QUAN	03/07/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B260	Nghệ An
419	50303075	CAO VAN BAO	19/07/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B261	Nghệ An
420	50303078	NGUYEN DUC HUNG	02/03/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B262	Nghệ An
421	50303079	LUU DINH TOAN	04/06/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B263	Nghệ An
422	50303080	LUU DINH LE	15/06/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	12	B264	Nghệ An
423	50303082	NGUYEN NHO NAM	12/10/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B265	Nghệ An
424	50303083	HOANG DINH CONG	01/06/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B266	Nghệ An
425	50303084	LUU DINH MANH	01/12/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B267	Nghệ An
426	50303085	TRAN VAN TRUNG	01/01/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B268	Nghệ An
427	50303086	LUU DINH THANG	22/08/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B269	Nghệ An
428	50303087	TRAN XUAN LAI	13/06/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B270	Nghệ An
429	50303089	TRINH THANH DINH	19/03/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B271	Nghệ An
430	50303090	TRAN HUU AN	12/11/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B272	Nghệ An
431	50303092	TRAN DINH DOAN	09/05/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B273	Nghệ An
432	50303093	BUI THI LINH	08/08/1998	Nữ	14/11/2025	Ca 2	13	B274	Nghệ An
433	50303094	LE BA LONG	22/10/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B275	Nghệ An
434	50303095	LE BA HIEP	17/09/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B276	Nghệ An
435	50303096	HOANG DINH KIEN	16/03/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B277	Nghệ An
436	50303097	CAO VAN KY	14/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B278	Nghệ An
437	50303098	DANG VAN DAT	16/01/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B279	Nghệ An
438	50303100	MAI VAN ANH	30/12/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B280	Nghệ An
439	50303102	HO XUAN THUONG	08/02/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B309	Nghệ An
440	50303108	NGUYEN VAN HAI	07/12/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B310	Nghệ An
441	50303109	THAI VAN PHU	24/12/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B311	Nghệ An
442	50303110	NGO ANH TUAN	29/10/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B312	Nghệ An
443	50303111	NGUYEN VAN TUNG	29/12/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B313	Nghệ An
444	50303114	NGUYEN VAN HIEP	26/05/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B314	Nghệ An
445	50303115	LE HONG QUAN	21/05/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B315	Nghệ An
446	50303116	LUU DINH HUNG	24/08/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B316	Nghệ An
447	50303117	HO TRUONG SANG	29/01/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B317	Nghệ An
448	50303119	PHAM VAN DUONG	17/12/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B318	Nghệ An
449	50303120	DAU DINH NUI	25/08/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B331	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
450	50303121	LUU DINH LONG	17/09/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B332	Nghệ An
451	50303122	TRAN DUC MIEN	03/07/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B333	Nghệ An
452	50303123	NGUYEN TAI HAI TRIEU	18/09/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B334	Nghệ An
453	50303124	HOANG VAN HOA	20/11/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B335	Nghệ An
454	50303125	HOANG KHAC HIEN	01/04/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B336	Nghệ An
455	50303126	PHAN BAO TRUNG	10/08/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B337	Nghệ An
456	50303127	DANG PHU QUY	27/05/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B338	Nghệ An
457	50303128	DAU DANG NAM	27/08/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B339	Nghệ An
458	50303129	HOANG HAI HUAN	14/02/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B340	Nghệ An
459	50303130	NGO VAN DUC	23/04/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B341	Nghệ An
460	50303132	LUU DINH TOAN	20/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B342	Nghệ An
461	50303133	TRAN MINH THONG	30/03/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B343	Nghệ An
462	50303136	PHAM VAN TUNG	20/09/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B344	Nghệ An
463	50303137	TRAN DINH BA DUY	05/02/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B345	Nghệ An
464	50303138	NGUYEN HONG TAI	15/09/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B346	Nghệ An
465	50303139	DOAN VAN NGHIA	08/06/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B347	Nghệ An
466	50303140	BUI VAN HOA	29/08/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B348	Nghệ An
467	50303142	NGO VAN THANG	18/11/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B349	Nghệ An
468	50303143	HO SY BINH	10/05/1989	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B350	Nghệ An
469	50303144	HO VAN TUAN	08/11/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B351	Nghệ An
470	50303146	TRAN VAN SON	20/08/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	16	B352	Nghệ An
471	50303147	VU XUAN MINH	05/10/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B353	Nghệ An
472	50303148	NGUYEN VAN THUONG	27/03/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B354	Nghệ An
473	50303149	NGUYEN TUAN ANH	28/09/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B355	Nghệ An
474	50303150	NGUYEN VAN THUONG	25/08/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B356	Nghệ An
475	50303152	NGUYEN VAN CUONG	08/11/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B357	Nghệ An
476	50303153	NGUYEN VAN LUONG	28/07/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B358	Nghệ An
477	50303156	LUU DINH TUAN	18/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B359	Nghệ An
478	50303158	TRUONG XUAN TRI	17/09/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B360	Nghệ An
479	50303159	NGUYEN VAN TUAT	08/01/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A001	Nghệ An
480	50303160	NGUYEN KE TAN	21/07/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A002	Nghệ An
481	50303161	LUU DINH SAC	02/03/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A003	Nghệ An
482	50303162	NGUYEN BIEN VANG	19/02/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A004	Nghệ An
483	50303163	NGUYEN THI MAI OANH	06/11/2003	Nữ	15/11/2025	Ca 1	1	A005	Nghệ An
484	50303164	LE BA NGUYEN	22/12/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A006	Nghệ An
485	50303165	LE VAN SON	14/01/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A007	Nghệ An
486	50303166	DANG VAN THANH	24/04/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A008	Nghệ An
487	50303168	NGUYEN PHUC QUAN	17/08/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A009	Nghệ An
488	50303169	NGUYEN VAN KIEN	19/08/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A010	Nghệ An
489	50303170	TRUONG VAN TRUONG	25/05/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A011	Nghệ An
490	50303171	NGUYEN VAN SON	25/10/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A012	Nghệ An
491	50303173	NGUYEN VAN KHANH	11/04/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A013	Nghệ An
492	50303174	NGUYEN DUY KHANG	03/05/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A014	Nghệ An
493	50303175	VU XUAN NGHIA	01/12/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A015	Nghệ An
494	50303177	PHAN THI KHANH	24/06/1999	Nữ	15/11/2025	Ca 1	1	A016	Nghệ An
495	50303178	HOANG THI HANG	06/08/1997	Nữ	15/11/2025	Ca 1	1	A017	Nghệ An
496	50303179	PHAM THI NHUNG	25/08/1995	Nữ	15/11/2025	Ca 1	1	A018	Nghệ An
497	50303180	DAU THI THAO	24/02/2004	Nữ	15/11/2025	Ca 1	1	A019	Nghệ An
498	50303181	NGUYEN VAN DUNG	05/11/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A020	Nghệ An
499	50303182	HOANG DUC DUONG	28/05/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A021	Nghệ An
500	50303183	HOANG DUC QUANG	18/10/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	1	A022	Nghệ An
501	50303184	TRAN DUC VUOT	20/12/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A023	Nghệ An
502	50303185	NGUYEN VAN TUAN	07/07/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A024	Nghệ An
503	50303187	HO VAN TAM	02/12/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A025	Nghệ An
504	50303189	HO HUU NAM	14/03/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A026	Nghệ An
505	50303191	NGUYEN VAN HUNG	08/07/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A027	Nghệ An
506	50303192	LUU VAN QUYEN	13/02/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A028	Nghệ An
507	50303193	TRAN QUANG ANH	29/09/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A029	Nghệ An
508	50303196	NGUYEN HUU HOANG	16/09/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A030	Nghệ An
509	50303197	HO PHUC MANH	14/09/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A031	Nghệ An
510	50303198	NGUYEN HUU THANH	13/06/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A032	Nghệ An
511	50303199	PHAN DUC HUNG	26/08/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A033	Nghệ An
512	50303200	TRUONG DUC UOC	28/03/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A034	Nghệ An
513	50303203	NGUYEN DUC DUOC	02/06/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A035	Nghệ An
514	50303205	HOANG VAN TIEN	01/07/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A036	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
515	50303208	PHAM QUANG HUY	26/01/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A037	Nghệ An
516	50303209	DAO MINH LUAN	02/03/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A038	Nghệ An
517	50303210	LE VAN THANG	27/07/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A039	Nghệ An
518	50303212	HO KHAC MANH	17/03/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A040	Nghệ An
519	50303213	NGUYEN VAN DONG	28/12/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A121	Nghệ An
520	50303214	HO VAN LUC	15/10/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A122	Nghệ An
521	50303215	HOANG VAN QUAN	30/10/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A123	Nghệ An
522	50303216	NGUYEN VAN THI	07/07/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A124	Nghệ An
523	50303217	HOANG VAN PHAP	26/08/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A125	Nghệ An
524	50303218	HO KHAC SON	20/11/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A126	Nghệ An
525	50303219	HOANG PHI HIEU	15/08/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A127	Nghệ An
526	50303220	HO PHUC DOC	16/09/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A128	Nghệ An
527	50303221	PHAN VAN Y	03/01/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A129	Nghệ An
528	50303222	TRAN NAM HUY	28/06/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A130	Nghệ An
529	50303224	NGUYEN VAN HAI	06/12/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A131	Nghệ An
530	50303225	NGUYEN BUI NHAT	06/09/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A132	Nghệ An
531	50303226	BUI VAN BINH	23/01/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A133	Nghệ An
532	50303227	LE VAN NHAT	06/12/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A134	Nghệ An
533	50303228	LE DUY NANG	27/05/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A135	Nghệ An
534	50303230	PHAN TRUNG KIEN	20/06/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A136	Nghệ An
535	50303231	DAU DUC THANH	25/02/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A137	Nghệ An
536	50303232	NGUYEN NGOC CUONG	07/06/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A138	Nghệ An
537	50303234	TRAN VAN CAI	06/10/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A139	Nghệ An
538	50303235	TRUONG VAN CHAU	19/10/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A140	Nghệ An
539	50303237	NGUYEN VAN HAI	01/12/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A141	Nghệ An
540	50303240	NGUYEN TRUNG HOANG	20/05/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A142	Nghệ An
541	50303241	HO NGOC TU	27/09/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A143	Nghệ An
542	50303244	VU XUAN CHUC	01/04/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A144	Nghệ An
543	50303245	HO HUU THU	20/08/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A145	Nghệ An
544	50303246	HO VAN LUONG	03/11/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A146	Nghệ An
545	50303247	HO VAN BAN	01/07/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A147	Nghệ An
546	50303249	HO VAN TAY	08/01/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A148	Nghệ An
547	50303250	NGUYEN TAM PHUC	20/02/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A149	Nghệ An
548	50303252	LE VIET PHU	06/12/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A150	Nghệ An
549	50303253	NGUYEN VAN CUONG	10/07/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A151	Nghệ An
550	50303254	HO VAN TOA	13/08/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A152	Nghệ An
551	50303255	LE QUANG VU	28/06/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A153	Nghệ An
552	50303258	NGUYEN VAN THIEN	30/05/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	7	A154	Nghệ An
553	50303262	NGUYEN VAN DUC	01/03/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A155	Nghệ An
554	50303264	LE VAN TRIEU	27/02/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A156	Nghệ An
555	50303266	LE VAN SON	15/06/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A157	Nghệ An
556	50303268	NGUYEN VAN HIEP	20/09/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A158	Nghệ An
557	50303269	HO PHUC VIET	17/01/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A159	Nghệ An
558	50303270	NGUYEN DINH ANH TUAN	21/10/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A160	Nghệ An
559	50303271	NGUYEN VAN PHU	28/07/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A241	Nghệ An
560	50303272	HO VAN LUU	06/02/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A242	Nghệ An
561	50303275	NGUYEN VAN CUONG	25/09/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A243	Nghệ An
562	50303276	LE QUANG TUAN	03/02/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A244	Nghệ An
563	50303277	NGUYEN VAN DUNG	29/09/1989	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A245	Nghệ An
564	50303280	TRUONG VAN DUC	10/08/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A246	Nghệ An
565	50303281	PHAN VAN LONG	19/12/1988	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A247	Nghệ An
566	50303282	NGUYEN XUAN HUU	28/11/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A248	Nghệ An
567	50303285	NGUYEN VAN XANH	22/05/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A249	Nghệ An
568	50303286	LE DANG KHOA	02/04/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A250	Nghệ An
569	50303287	HOANG QUANG HOAI	01/01/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A251	Nghệ An
570	50303288	VU VAN LONG	29/01/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A252	Nghệ An
571	50303292	VU VAN KHANH	08/10/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A253	Nghệ An
572	50303293	NGUYEN TUAN ANH	16/12/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A254	Nghệ An
573	50303294	HOANG DUC QUE	05/12/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A255	Nghệ An
574	50303295	NGUYEN VAN HAI	11/09/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A256	Nghệ An
575	50303296	DANG VAN LOI	01/12/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A257	Nghệ An
576	50303297	NGUYEN VAN HUONG	01/12/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A258	Nghệ An
577	50303298	NGUYEN QUOC TRUONG	06/02/2007	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A259	Nghệ An
578	50303299	NGUYEN VAN DAT	05/05/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A260	Nghệ An
579	50303300	NGUYEN VAN PHI	28/08/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A261	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
580	50303302	NGUYEN DUC SON	31/08/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A262	Nghệ An
581	50303303	NGUYEN XUAN DAM	15/10/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A263	Nghệ An
582	50303304	LE CONG DUC	04/02/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	12	A264	Nghệ An
583	50303307	VU XUAN HAI	10/05/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A265	Nghệ An
584	50303308	NGUYEN VAN LINH	10/07/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A266	Nghệ An
585	50303310	VO VAN KIET	25/01/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A267	Nghệ An
586	50303311	HO VAN ANH	29/12/1989	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A268	Nghệ An
587	50303313	HO NGHIA QUANG VINH	20/11/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A269	Nghệ An
588	50303315	NGUYEN VAN KY	14/04/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A270	Nghệ An
589	50303316	TRUONG DUC TAI	05/01/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A271	Nghệ An
590	50303319	NGUYEN XUAN SON	20/09/1986	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A272	Nghệ An
591	50303324	TRUONG QUANG NAM	22/01/1989	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A273	Nghệ An
592	50303325	BUI VAN HONG	09/06/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A274	Nghệ An
593	50303327	PHAN VAN HIEU	30/08/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A275	Nghệ An
594	50303329	DAU VIET QUAN	02/11/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A276	Nghệ An
595	50303330	HO BA LUU	11/03/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A277	Nghệ An
596	50303331	DAU MINH TAN	24/05/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A278	Nghệ An
597	50303332	HO VAN THUAN	06/08/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A279	Nghệ An
598	50303333	PHAM DANG BIEN	10/01/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A280	Nghệ An
599	50303334	LE DUC THANG	12/02/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A361	Nghệ An
600	50303335	BACH TRONG DE	09/03/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A362	Nghệ An
601	50303337	NGUYEN THI TRINH	26/03/2001	Nữ	15/11/2025	Ca 1	17	A363	Nghệ An
602	50303338	HOANG PHI THANG	07/03/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A364	Nghệ An
603	50303341	HOANG VAN PHUC	11/07/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A365	Nghệ An
604	50303342	NGUYEN VAN NHAT	29/09/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A366	Nghệ An
605	50303344	NGO TRI QUAN	22/02/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A367	Nghệ An
606	50303345	LE THI HOI	15/06/2004	Nữ	15/11/2025	Ca 1	17	A368	Nghệ An
607	50303346	NGUYEN NGOC TU	26/08/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A369	Nghệ An
608	50303348	HOANG VAN NAM	16/05/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A370	Nghệ An
609	50303349	PHAM DANG HONG QUAN	11/05/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A371	Nghệ An
610	50303351	HOANG VAN THAO	08/05/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A372	Nghệ An
611	50303355	BUI NGOC LOI	01/09/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A373	Nghệ An
612	50303358	PHAM VAN CUONG	26/01/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A374	Nghệ An
613	50303359	PHAM CONG	15/08/1986	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A375	Nghệ An
614	50303360	TRAN XUAN VINH	01/03/1989	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A376	Nghệ An
615	50303361	HO VAN HIEU	21/01/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A377	Nghệ An
616	50303363	HO VAN CHINH	08/11/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A378	Nghệ An
617	50303366	TRAN VAN PHAP	22/11/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A379	Nghệ An
618	50303367	NGUYEN HUU VIET	14/09/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A380	Nghệ An
619	50303369	NGUYEN HUU SON	29/09/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A381	Nghệ An
620	50303371	NGUYEN DUC LUONG	14/11/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A382	Nghệ An
621	50303372	HOANG VAN NHAT	06/09/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A383	Nghệ An
622	50303373	NGUYEN VAN TUNG	26/07/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A384	Nghệ An
623	50303374	LE VAN TOAN	15/08/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A385	Nghệ An
624	50303375	BUI HUU HIEP	26/10/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A386	Nghệ An
625	50303376	CHU TUNG	02/10/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A387	Nghệ An
626	50303377	THAI NGOC DONG	14/07/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A388	Nghệ An
627	50303378	TRAN DUC THINH	19/04/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A389	Nghệ An
628	50303379	TRAN MINH QUAN	22/02/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A390	Nghệ An
629	50303380	CU VAN HOP	28/02/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A391	Nghệ An
630	50303384	NGUYEN VINH HIEN	10/02/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A392	Nghệ An
631	50303386	NGUYEN THI LAN	14/12/1995	Nữ	15/11/2025	Ca 1	18	A393	Nghệ An
632	50303387	HO VAN TU	22/12/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A394	Nghệ An
633	50303389	NGUYEN VAN HAU	13/02/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A395	Nghệ An
634	50303391	HO ANH TAI	22/03/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	18	A396	Nghệ An
635	50303392	HO NANG PHONG	08/08/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A397	Nghệ An
636	50303394	TRUONG DAC LONG	04/11/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A398	Nghệ An
637	50303395	TRAN QUANG HUY	06/05/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A399	Nghệ An
638	50303396	TRAN VAN HA	12/07/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A400	Nghệ An
639	50303402	HO THOM	21/11/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B001	Nghệ An
640	50303403	TRAN DUC CUONG	02/01/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B002	Nghệ An
641	50303404	HO DUC VIET	24/06/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B003	Nghệ An
642	50303405	TRAN VAN SAM	25/09/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B004	Nghệ An
643	50303406	CHU PHUC HOANG	08/04/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B005	Nghệ An
644	50303407	HOANG VAN KHOE	04/11/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B006	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
645	50303409	PHAN THI PHUONG	28/09/1998	Nữ	13/11/2025	Ca 2	1	B007	Nghệ An
646	50303410	HO DUC GIOI	10/10/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B008	Nghệ An
647	50303412	HO HUY	20/03/1986	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B009	Nghệ An
648	50303414	HO SU TAM	23/04/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B010	Nghệ An
649	50303416	BUI NGOC PHUC	10/08/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B011	Nghệ An
650	50303419	PHAN VAN HOAN	05/12/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B012	Nghệ An
651	50303420	NGUYEN THI BICH NGOC	25/08/1994	Nữ	13/11/2025	Ca 2	1	B013	Nghệ An
652	50303422	HO VAN VIET	02/09/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B014	Nghệ An
653	50303424	NGUYEN DINH DUOC	16/09/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B015	Nghệ An
654	50303426	BUI VAN TAY	02/09/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B016	Nghệ An
655	50303427	HOANG VAN TAY	23/02/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	1	B017	Nghệ An
656	50300581	NGO THE CHAT	18/08/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B426	Ninh Bình
657	50300582	TRAN MINH TRI	06/04/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B427	Ninh Bình
658	50300583	TRAN NGOC LE	04/08/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B428	Ninh Bình
659	50300584	PHAM VAN TOAN	07/07/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B429	Ninh Bình
660	50300585	CAO THANH LIEM	20/03/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B430	Ninh Bình
661	50300586	DAO MAI TUNG	22/07/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B431	Ninh Bình
662	50300587	CAO VAN CHANH	24/04/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B432	Ninh Bình
663	50300588	NGUYEN THANH DAT	30/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B433	Ninh Bình
664	50300590	VU VAN THIEP	13/08/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B434	Ninh Bình
665	50300592	NGUYEN VAN DUC	16/09/1989	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B435	Ninh Bình
666	50300594	HOANG VAN HAU	02/04/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B436	Ninh Bình
667	50300595	VUONG QUOC DAI	07/02/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B437	Ninh Bình
668	50300596	VUONG CHI CONG	27/02/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B438	Ninh Bình
669	50300597	HOANG VAN DOAN	27/10/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B439	Ninh Bình
670	50300598	HOANG MINH TUAN	06/01/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	20	B440	Ninh Bình
671	50300602	NGUYEN THI TRANG	30/09/2000	Nữ	15/11/2025	Ca 1	4	A067	Ninh Bình
672	50300603	TRAN DINH THUC	05/04/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A068	Ninh Bình
673	50300604	VU THI ANH MAI	10/04/1994	Nữ	15/11/2025	Ca 1	4	A069	Ninh Bình
674	50300605	DO VAN DUNG	07/08/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A070	Ninh Bình
675	50300681	VU VAN KHANH	06/04/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A071	Ninh Bình
676	50300684	PHAM VAN QUY	01/04/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A072	Ninh Bình
677	50300685	LE DUC LONG	12/08/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A073	Ninh Bình
678	50300686	NGUYEN VAN VONG	24/02/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A074	Ninh Bình
679	50300687	NGUYEN VAN LAN	20/10/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A089	Ninh Bình
680	50300688	TRAN VAN NGUYEN	13/11/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A090	Ninh Bình
681	50300689	TRAN TUAN ANH	27/09/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A091	Ninh Bình
682	50300690	PHAM VAN DUNG	24/01/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A092	Ninh Bình
683	50300691	LUONG CONG TINH	16/04/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A093	Ninh Bình
684	50300692	TRAN THANH KHANG	30/09/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A094	Ninh Bình
685	50300693	NGUYEN VAN TRUONG	15/12/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A095	Ninh Bình
686	50300695	NGUYEN KHANH DUY	22/02/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A096	Ninh Bình
687	50300696	NGUYEN TIEN DAI	16/02/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A097	Ninh Bình
688	50300697	VU DUC TOAN	23/09/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A098	Ninh Bình
689	50300698	LUU XUAN TRUONG	24/04/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A099	Ninh Bình
690	50300699	TONG VAN HIEU	05/06/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A100	Ninh Bình
691	50300700	PHAM VAN NINH	18/10/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A101	Ninh Bình
692	50300701	VU VAN TU	01/11/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A102	Ninh Bình
693	50300703	TRAN VAN THUAN	06/01/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A103	Ninh Bình
694	50300705	NGUYEN DUY KIEN	16/10/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A104	Ninh Bình
695	50300706	MAI VAN THE	15/12/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A105	Ninh Bình
696	50300707	NGUYEN CHI HIEU	25/02/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A106	Ninh Bình
697	50300708	LE VAN CHI	30/06/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A107	Ninh Bình
698	50300709	TRAN QUANG LAM	01/04/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A108	Ninh Bình
699	50300710	TRAN VAN DONG	14/09/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A109	Ninh Bình
700	50300711	PHAM VAN CHIEN	20/07/2007	Nam	15/11/2025	Ca 1	5	A110	Ninh Bình
701	50300712	DO VAN OANH	12/02/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A111	Ninh Bình
702	50300713	NGUYEN VAN CAM	03/03/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A112	Ninh Bình
703	50300714	VU THANH CHUNG	19/01/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A113	Ninh Bình
704	50300715	NGUYEN ANH TUAN	15/07/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A114	Ninh Bình
705	50300716	LAI VAN SANG	04/06/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A115	Ninh Bình
706	50300718	MAI VAN HAU	05/10/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A116	Ninh Bình
707	50300719	TRUONG THANH TUE	24/01/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A117	Ninh Bình
708	50300720	TRAN VAN NHAT	02/06/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A118	Ninh Bình
709	50300721	HOANG VAN TU	01/09/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A119	Ninh Bình

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
710	50300723	NGUYEN VAN VINH	18/02/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	6	A120	Ninh Bình
711	50300724	NGUYEN VIET MANH	04/07/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A199	Ninh Bình
712	50300725	LA TIEN SY	01/01/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A200	Ninh Bình
713	50300726	PHAM VAN BINH	09/09/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A201	Ninh Bình
714	50300727	NGUYEN ANH TUAN	08/07/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A202	Ninh Bình
715	50300728	NGUYEN VAN DUC	12/01/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A203	Ninh Bình
716	50300729	HOANG VAN TUAN	07/03/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A204	Ninh Bình
717	50300730	TRAN VAN HAO	13/11/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A205	Ninh Bình
718	50300731	TRAN VAN THANH	06/10/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A206	Ninh Bình
719	50300732	VU VAN SAN	07/12/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A207	Ninh Bình
720	50300733	PHAM MINH DUC	30/12/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A208	Ninh Bình
721	50300735	PHAM VAN PHUONG	20/11/1987	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A209	Ninh Bình
722	50300736	PHAM NGOC SON	29/09/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A210	Ninh Bình
723	50300737	NGUYEN MINH TUAN	15/01/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A211	Ninh Bình
724	50300738	TRAN TUAN ANH	05/09/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A212	Ninh Bình
725	50300741	TRAN MINH TU	29/01/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A213	Ninh Bình
726	50300742	NGUYEN THI QUYNH	23/07/1998	Nữ	15/11/2025	Ca 1	10	A214	Ninh Bình
727	50300744	TRAN VAN DU	05/09/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A215	Ninh Bình
728	50300745	TRAN QUOC VUONG	04/01/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A216	Ninh Bình
729	50300747	TRAN VAN CHANH	14/06/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A217	Ninh Bình
730	50300748	TRAN DUC THIEN	21/11/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A218	Ninh Bình
731	50300750	TRAN VAN TUAN	25/08/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A221	Ninh Bình
732	50300751	PHAM VAN DUNG	29/01/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A222	Ninh Bình
733	50300754	TRAN TUAN DAT	07/11/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A223	Ninh Bình
734	50300756	DINH TUAN ANH	25/06/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A224	Ninh Bình
735	50300757	NGUYEN TRUNG KIEN	18/01/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A225	Ninh Bình
736	50300760	PHAM VAN CHUONG	18/01/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A226	Ninh Bình
737	50300761	NGUYEN VAN QUANG	29/06/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A227	Ninh Bình
738	50300762	DINH QUOC KHANH	23/11/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A228	Ninh Bình
739	50300763	MAI VAN HOANG	19/10/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A229	Ninh Bình
740	50300764	BUI VAN THUAN	27/08/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A230	Ninh Bình
741	50300767	VU DUC CONG	24/10/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A231	Ninh Bình
742	50300768	DUONG VAN NGHI	02/01/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A232	Ninh Bình
743	50308031	PHAM TRUONG VI	22/05/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A312	Quảng Ngãi
744	50308032	VO MINH	08/08/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A313	Quảng Ngãi
745	50308033	TRAN VAN DUNG	17/08/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A314	Quảng Ngãi
746	50308034	HUYNH TAN THANH	12/08/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A315	Quảng Ngãi
747	50308035	NGO NHU DUY	10/12/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A316	Quảng Ngãi
748	50308036	NGO THI THUY	17/04/2001	Nữ	14/11/2025	Ca 1	15	A317	Quảng Ngãi
749	50308037	NGUYEN DUC HOANG	19/09/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A318	Quảng Ngãi
750	50308038	BUI THANH TUAN	13/12/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A319	Quảng Ngãi
751	50308039	CAO VAN XIN	24/07/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A320	Quảng Ngãi
752	50308040	BUI NGOC SANG	05/03/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A321	Quảng Ngãi
753	50308041	TRAN CHANH BAN	13/05/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A322	Quảng Ngãi
754	50308042	NGUYEN VAN THIEN	31/08/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A323	Quảng Ngãi
755	50308043	DO ANH NGOC	07/07/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A324	Quảng Ngãi
756	50308044	VO DUY DOAN	05/09/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A325	Quảng Ngãi
757	50308045	DINH THI HAI VUONG	28/04/1995	Nữ	14/11/2025	Ca 1	15	A326	Quảng Ngãi
758	50308046	HUYNH TAN PHUC	15/12/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A327	Quảng Ngãi
759	50308047	VO VAN VANG	04/06/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A328	Quảng Ngãi
760	50308048	NGUYEN NGOC UT	02/03/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A329	Quảng Ngãi
761	50308049	DUONG TAN KHA	20/08/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A330	Quảng Ngãi
762	50308050	TRAN THIEN DAT	15/04/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A411	Quảng Ngãi
763	50308051	NGUYEN TAN THIEN	12/10/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A412	Quảng Ngãi
764	50308052	NGUYEN VAN MONG	07/10/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A413	Quảng Ngãi
765	50308053	BUI TAN CHIN	18/01/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A414	Quảng Ngãi
766	50308054	PHAN TAN BACH	07/08/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A415	Quảng Ngãi
767	50308055	LUONG CONG TRUNG	10/01/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A416	Quảng Ngãi
768	50308056	DO XUAN THAO	05/01/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A417	Quảng Ngãi
769	50308057	VO TIEN VINH	18/03/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	19	A418	Quảng Ngãi
770	50308058	NGUYEN VAN TRONG	18/05/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A419	Quảng Ngãi
771	50308061	NGUYEN THANH TOAN	01/02/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A420	Quảng Ngãi
772	50308062	TRAN VAN BINH	25/08/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A421	Quảng Ngãi
773	50308063	NGUYEN VAN NHAT	30/06/2007	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A422	Quảng Ngãi
774	50308064	NGUYEN ANH DUY	10/11/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A423	Quảng Ngãi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
775	50308067	NGUYEN QUOC BAO	26/10/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A424	Quảng Ngãi
776	50308069	HUYNH TAY DO	21/12/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A425	Quảng Ngãi
777	50308070	NGUYEN THE VIEN	25/02/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A426	Quảng Ngãi
778	50308072	NGUYEN TRONG NGHIA	15/03/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A427	Quảng Ngãi
779	50308075	HUYNH QUAT CHANH	19/05/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A428	Quảng Ngãi
780	50308077	PHAM VAN DUC	18/04/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A429	Quảng Ngãi
781	50308078	NGUYEN DUY THAI	24/04/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A430	Quảng Ngãi
782	50308079	VO THI NO	17/08/1994	Nữ	14/11/2025	Ca 1	20	A431	Quảng Ngãi
783	50308084	PHAM HUU PHUC	10/05/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A432	Quảng Ngãi
784	50308085	DO TAN THUONG	01/11/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A433	Quảng Ngãi
785	50308086	TRAN QUOC DUY	03/08/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A434	Quảng Ngãi
786	50308087	TRAN BA LOC	02/09/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A435	Quảng Ngãi
787	50308088	VO VAN PHAT	05/06/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A436	Quảng Ngãi
788	50308091	DANG VAN CONG	27/02/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A437	Quảng Ngãi
789	50308092	HUYNH TAN DUNG	25/02/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A438	Quảng Ngãi
790	50308093	VO DUY LINH	01/01/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A439	Quảng Ngãi
791	50308095	PHAM TAN DO	09/12/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	20	A440	Quảng Ngãi
792	50308096	PHAM NHU THACH	06/04/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B013	Quảng Ngãi
793	50308098	NGUYEN QUOC HUY	13/03/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B014	Quảng Ngãi
794	50308099	NGUYEN DUC NIEM	16/03/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B015	Quảng Ngãi
795	50308101	DOAN VAN TAN	15/10/1989	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B016	Quảng Ngãi
796	50308102	PHAM VAN THUAN	13/09/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B017	Quảng Ngãi
797	50308104	NGUYEN VAN TU	19/12/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B018	Quảng Ngãi
798	50308106	NGUYEN THUONG	22/01/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B019	Quảng Ngãi
799	50308108	NGUYEN VAN QUANG	02/08/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B020	Quảng Ngãi
800	50308110	PHAM VAN DO	16/05/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B021	Quảng Ngãi
801	50308111	LE THAI AN	01/04/2007	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B022	Quảng Ngãi
802	50308112	LE VAN LAM	22/01/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B091	Quảng Ngãi
803	50308113	NGUYEN VAN SANH	15/03/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B092	Quảng Ngãi
804	50308118	DO KIM DAT	10/12/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B093	Quảng Ngãi
805	50308122	TRINH PHAM KIEU MY	26/06/2007	Nữ	14/11/2025	Ca 2	5	B094	Quảng Ngãi
806	50308125	VO VAN NAM	14/10/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B095	Quảng Ngãi
807	50300282	HA VAN NAM	17/05/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B399	Quảng Ninh
808	50300283	TO VAN THUY	17/11/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B400	Quảng Ninh
809	50300284	NGUYEN XUAN TUAN	01/09/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B401	Quảng Ninh
810	50300285	NGUYEN XUAN QUAN	28/04/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B402	Quảng Ninh
811	50300286	NGUYEN QUANG THANG	22/11/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B403	Quảng Ninh
812	50300287	DINH KHAC DUY	20/01/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B404	Quảng Ninh
813	50300290	NGUYEN HOANG TRUNG	06/10/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B405	Quảng Ninh
814	50300291	VU VAN TUNG	30/05/1986	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B406	Quảng Ninh
815	50300292	BUI NGOC KHANH	03/12/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B407	Quảng Ninh
816	50300294	PHUN THI NHAN	12/09/1991	Nữ	14/11/2025	Ca 2	19	B408	Quảng Ninh
817	50300295	HOANG MANH DUC	15/05/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B409	Quảng Ninh
818	50300296	VU VAN HA	22/08/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B410	Quảng Ninh
819	50305702	NGUYEN HUU HOA	10/02/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B057	Quảng Trị
820	50305704	NGUYEN VAN THUY	29/01/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B058	Quảng Trị
821	50305706	LE XUAN VOI	01/10/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B059	Quảng Trị
822	50305707	MAI VAN QUANG	05/11/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B060	Quảng Trị
823	50305708	MAI TIEN DAT	04/06/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B061	Quảng Trị
824	50305709	NGUYEN MINH QUAN	04/01/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B062	Quảng Trị
825	50305710	NGUYEN VAN NHAT HUY	26/01/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B063	Quảng Trị
826	50305712	DUONG VAN HA	20/06/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B064	Quảng Trị
827	50305713	NGO XUAN NHAT	31/05/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B065	Quảng Trị
828	50305715	PHAM TINH	27/05/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B066	Quảng Trị
829	50305716	HOANG THUONG	28/02/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B067	Quảng Trị
830	50305718	NGUYEN NGOC TUYNH	20/04/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B068	Quảng Trị
831	50305719	BUI THANH QUANG	15/07/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B069	Quảng Trị
832	50305723	PHAN THANH DAT	30/10/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B070	Quảng Trị
833	50305724	HO DUC LUYEN	23/09/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B071	Quảng Trị
834	50305725	NGUYEN NHAT PHONG	13/08/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B072	Quảng Trị
835	50305726	NGUYEN VAN AN	28/04/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B073	Quảng Trị
836	50305727	HO NGOC ANH	05/03/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B074	Quảng Trị
837	50305728	NGUYEN PHI HUNG	30/09/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B075	Quảng Trị
838	50305729	HOANG NGOC TU	10/01/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B076	Quảng Trị
839	50305730	MAI VAN HIEU	28/12/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B077	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
840	50305731	NGUYEN VAN CHINH	26/02/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B078	Quảng Trị
841	50305734	TRAN HUU QUY	14/03/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B079	Quảng Trị
842	50305736	VO TIEN THANH	10/03/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B080	Quảng Trị
843	50305739	TRAN DUC	05/08/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B081	Quảng Trị
844	50305740	PHAM AN NINH	19/11/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B082	Quảng Trị
845	50305741	NGUYEN PHI	19/02/1989	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B083	Quảng Trị
846	50305742	DO TRUNG HUAN	20/11/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B084	Quảng Trị
847	50305743	PHAN THANH CHUONG	26/10/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B085	Quảng Trị
848	50305744	NGUYEN DANG TRUNG	17/10/1989	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B086	Quảng Trị
849	50305745	NGUYEN VAN PHUONG	11/09/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B087	Quảng Trị
850	50305746	NGUYEN HUU THANG	09/03/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	4	B088	Quảng Trị
851	50305747	CAO MINH VUONG	02/12/2004	Nữ	14/11/2025	Ca 2	5	B089	Quảng Trị
852	50305748	DUONG DINH DUC	02/02/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	5	B090	Quảng Trị
853	50305749	TRAN NGOC MINH	07/09/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B171	Quảng Trị
854	50305750	VO VAN TRUNG	10/02/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B172	Quảng Trị
855	50305752	MAI THI HOA	06/02/1995	Nữ	14/11/2025	Ca 2	8	B173	Quảng Trị
856	50305753	MAI SONG HAO	06/07/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B174	Quảng Trị
857	50305754	MAI VAN VONG	28/07/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B175	Quảng Trị
858	50305755	MAI VAN THIEN	01/05/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	8	B176	Quảng Trị
859	50305756	NGUYEN VAN KIEN	30/10/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B177	Quảng Trị
860	50305757	NGUYEN THANH DANH	30/08/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B178	Quảng Trị
861	50305761	NGUYEN THANH TU	20/12/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B179	Quảng Trị
862	50305762	NGUYEN QUOC KHANH	24/10/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B180	Quảng Trị
863	50305763	TRUONG VAN TAN	27/10/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B181	Quảng Trị
864	50305764	TRUONG THANH NHO	30/09/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B182	Quảng Trị
865	50305765	TRUONG TIEN MANH	29/09/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B183	Quảng Trị
866	50305766	HOANG NGOC TUAN	20/01/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B184	Quảng Trị
867	50305767	MAI PHU	16/08/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B185	Quảng Trị
868	50305768	NGUYEN DAI NAM	25/04/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B186	Quảng Trị
869	50305770	TRAN ANH VU	06/05/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B187	Quảng Trị
870	50305773	TRUONG LE DUC	23/04/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B188	Quảng Trị
871	50305774	NGUYEN VAN HUNG	25/03/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B189	Quảng Trị
872	50305776	LE THANH DAT	03/02/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B190	Quảng Trị
873	50305777	HOANG VAN CHUYEN	24/07/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B191	Quảng Trị
874	50305780	MAI MINH THIEU	26/01/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B192	Quảng Trị
875	50305781	MAI THANH BINH	01/02/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B193	Quảng Trị
876	50305785	HOANG VAN HAO	20/05/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B194	Quảng Trị
877	50305787	HOANG HAI	20/05/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B195	Quảng Trị
878	50305788	HOANG TIEN DAT	19/07/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B196	Quảng Trị
879	50305789	TRUONG VAN DUC	29/10/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B197	Quảng Trị
880	50305790	TRUONG VAN HOAN	16/07/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	9	B198	Quảng Trị
881	50305791	BUI HOANG	07/03/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B199	Quảng Trị
882	50305792	NGUYEN THE HUU	01/01/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B200	Quảng Trị
883	50305793	NGUYEN HOAN VIET	27/10/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B201	Quảng Trị
884	50305794	TRUONG DAI THUC	26/05/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B202	Quảng Trị
885	50305795	NGUYEN THANH THUONG	05/10/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B203	Quảng Trị
886	50305796	NGUYEN VAN LE	24/08/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B204	Quảng Trị
887	50305798	TRUONG THI KIM CHI	02/08/2002	Nữ	14/11/2025	Ca 2	10	B205	Quảng Trị
888	50305799	NGUYEN DUC TAI	15/08/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B206	Quảng Trị
889	50305800	NGUYEN QUOC HUY	04/06/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B207	Quảng Trị
890	50305801	DANG BA LUC	08/08/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B208	Quảng Trị
891	50305802	DUONG THANH BINH	19/06/1987	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B209	Quảng Trị
892	50305803	NGUYEN VAN HOAI	06/11/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B210	Quảng Trị
893	50305805	PHAN VAN TIEN	26/06/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B281	Quảng Trị
894	50305806	HOANG DUC SINH	16/12/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B282	Quảng Trị
895	50305807	DANG VAN TIEN	17/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B283	Quảng Trị
896	50305808	NGUYEN VAN TUAN	30/07/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B284	Quảng Trị
897	50305809	NGO HUONG PHO	20/08/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B285	Quảng Trị
898	50305812	HOANG LAM SON	27/09/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	13	B286	Quảng Trị
899	50305813	HOANG VAN LAM	23/12/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B287	Quảng Trị
900	50305815	DANG VAN HIEU	29/12/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B288	Quảng Trị
901	50305816	NGUYEN NGOC TRUNG	05/10/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B289	Quảng Trị
902	50305817	TRUONG VAN NHO	29/12/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B290	Quảng Trị
903	50305818	NGUYEN VAN TUAN	18/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B291	Quảng Trị
904	50305819	PHAM TUAN	27/06/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B292	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
905	50305820	HOANG VAN DAN	07/06/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B293	Quảng Trị
906	50305821	LE HONG MINH	23/05/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B294	Quảng Trị
907	50305822	DUONG MINH THUY	16/06/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B295	Quảng Trị
908	50305823	HOANG THANH PHO	30/06/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B296	Quảng Trị
909	50305824	NGUYEN THI THANH SUU	22/08/1997	Nữ	14/11/2025	Ca 2	14	B297	Quảng Trị
910	50305828	MAI VAN THINH	11/12/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B298	Quảng Trị
911	50305831	NGUYEN VAN QUANG	10/05/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B299	Quảng Trị
912	50305832	LE THUAN HOA	23/04/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B300	Quảng Trị
913	50305833	HOANG VAN HIEU	10/05/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B301	Quảng Trị
914	50305835	HOANG VAN LUC	06/10/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B302	Quảng Trị
915	50305837	DUONG THANH SON	26/07/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B303	Quảng Trị
916	50305838	TRUONG VAN TUNG	29/01/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B304	Quảng Trị
917	50305839	HOANG VAN VIEN	02/02/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B305	Quảng Trị
918	50305840	NGO VAN LONG	07/08/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B306	Quảng Trị
919	50305842	NGUYEN THANH CONG	08/05/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B307	Quảng Trị
920	50305844	LE MINH THIEN	07/03/2007	Nam	14/11/2025	Ca 2	14	B308	Quảng Trị
921	50305845	PHAN VAN HIEN	10/05/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B319	Quảng Trị
922	50305846	NGUYEN TRONG TAN	10/04/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B320	Quảng Trị
923	50305847	NGUYEN LUU NIEM	12/11/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B321	Quảng Trị
924	50305850	TRAN VAN NGOC	08/02/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B322	Quảng Trị
925	50305851	LE DUC ANH	18/10/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B323	Quảng Trị
926	50305852	NGUYEN VAN NGOC	06/09/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B324	Quảng Trị
927	50305853	NGUYEN VAN KHANH	06/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B325	Quảng Trị
928	50305855	TRAN VAN QUY	05/10/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B326	Quảng Trị
929	50305856	NGUYEN VAN SON	19/02/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B327	Quảng Trị
930	50305857	PHAM TRUONG VU	16/06/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B328	Quảng Trị
931	50305858	NGUYEN VAN THANG	20/11/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B329	Quảng Trị
932	50305859	DUONG QUANG THANG	14/08/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	15	B330	Quảng Trị
933	50305860	TRINH QUANG VINH	26/06/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B361	Quảng Trị
934	50305862	NGUYEN THI THU	15/02/2003	Nữ	14/11/2025	Ca 2	17	B362	Quảng Trị
935	50305863	HOANG DINH TAO	08/01/2007	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B363	Quảng Trị
936	50305868	TRAN VAN THINH	01/05/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B364	Quảng Trị
937	50305870	TRAN NGOC BAO	07/09/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B365	Quảng Trị
938	50305872	TRAN VAN HUNG	20/02/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B366	Quảng Trị
939	50305874	TRUONG QUANG BAO NGOC	25/11/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B367	Quảng Trị
940	50305876	PHAN THANH HUNG	27/06/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B368	Quảng Trị
941	50305877	LE VAN TUYEN	27/03/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B369	Quảng Trị
942	50305879	NGUYEN QUOC HUNG	01/02/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B370	Quảng Trị
943	50305881	LE VAN HUY	30/07/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B371	Quảng Trị
944	50305883	DINH XUAN HAI	03/02/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B372	Quảng Trị
945	50305884	NGUYEN THAI HOA	10/08/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B373	Quảng Trị
946	50305885	HOANG CHI CONG	10/06/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	17	B374	Quảng Trị
947	50305886	PHAM SO NY	14/10/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B375	Quảng Trị
948	50305887	NGUYEN XUAN SONG	01/08/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B376	Quảng Trị
949	50305888	HO NGOC HAI	23/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B377	Quảng Trị
950	50305889	HO HUY HOANG	06/07/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B378	Quảng Trị
951	50305892	HO ANH QUAN	30/08/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B379	Quảng Trị
952	50305893	LE VAN HIEU	15/05/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B380	Quảng Trị
953	50305894	NGUYEN NGOC LIEU	22/06/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B381	Quảng Trị
954	50305896	PHAM TRUNG HIEU	29/09/1990	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B382	Quảng Trị
955	50305897	DINH DUC TOAN	26/06/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B383	Quảng Trị
956	50305898	NGUYEN VAN VUONG	18/06/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B384	Quảng Trị
957	50305899	HOANG VAN LONG	08/01/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B385	Quảng Trị
958	50305900	HO PHUONG	10/09/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B386	Quảng Trị
959	50305905	HOANG VAN NHAT	13/11/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B387	Quảng Trị
960	50305906	NGUYEN MINH HAO	14/07/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B388	Quảng Trị
961	50305908	TRAN ANH DUONG	11/10/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B389	Quảng Trị
962	50305909	NGUYEN MINH KHANH	20/10/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B390	Quảng Trị
963	50305911	HO XUAN HIEU	19/05/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B391	Quảng Trị
964	50305913	PHAN CONG QUAN	26/05/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B392	Quảng Trị
965	50305914	NGUYEN THI LY	10/07/2003	Nữ	14/11/2025	Ca 2	18	B393	Quảng Trị
966	50305915	HOANG THI CAM VAN	12/11/2004	Nữ	14/11/2025	Ca 2	18	B394	Quảng Trị
967	50305916	NGUYEN HONG QUAN	12/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B395	Quảng Trị
968	50305918	NGUYEN MANH CUONG	01/01/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	18	B396	Quảng Trị
969	50305919	LE THANH LUAN	20/08/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B415	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
970	50305921	LE HUYNH DUC	27/08/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B416	Quảng Trị
971	50305922	TRAN NGOC TAN	16/04/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B417	Quảng Trị
972	50305923	NGUYEN KHANH HOANG	14/03/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B418	Quảng Trị
973	50305924	HO DANG DUC	03/08/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A041	Quảng Trị
974	50305926	MAI PHUONG	02/06/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A042	Quảng Trị
975	50305928	VO ANH TU	14/07/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A043	Quảng Trị
976	50305930	MAI THANH TAM	30/08/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	2	A044	Quảng Trị
977	50305933	HOANG VAN TOAN	08/05/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A045	Quảng Trị
978	50305934	NGUYEN THANH VINH	08/08/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A046	Quảng Trị
979	50305937	PHAM XUAN TRUONG	12/05/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A047	Quảng Trị
980	50305938	PHAM DUC	10/02/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A048	Quảng Trị
981	50305940	NGO VAN LONG	24/06/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A049	Quảng Trị
982	50305941	HOANG THI GIANG	13/04/2002	Nữ	15/11/2025	Ca 1	3	A050	Quảng Trị
983	50305942	LE VAN THANG	30/10/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A051	Quảng Trị
984	50305943	NGUYEN VAN GIANG	03/05/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A052	Quảng Trị
985	50305944	LE TRUNG HIEU	03/02/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A053	Quảng Trị
986	50305945	NGUYEN VAN THONG	30/09/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A054	Quảng Trị
987	50305946	NGUYEN MINH HOAI	08/06/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A055	Quảng Trị
988	50305948	HOANG THI HANG NGA	29/09/2003	Nữ	15/11/2025	Ca 1	3	A056	Quảng Trị
989	50305951	NGUYEN THE ANH	20/05/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A057	Quảng Trị
990	50305952	NGUYEN VAN LOC	11/07/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A058	Quảng Trị
991	50305953	MAI VAN TUYEN	10/04/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A059	Quảng Trị
992	50305956	LE TIEU YEN	23/03/1999	Nữ	15/11/2025	Ca 1	3	A060	Quảng Trị
993	50305957	NGUYEN NHAN	09/06/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A061	Quảng Trị
994	50305959	HOANG VAN DUYEN	25/04/1989	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A062	Quảng Trị
995	50305961	TRAN CHI THANH	25/11/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A063	Quảng Trị
996	50305962	HOANG THAI DUONG	18/12/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A064	Quảng Trị
997	50305963	HOANG VAN TUAN	02/07/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A065	Quảng Trị
998	50305966	NGUYEN MINH CONG	12/01/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	3	A066	Quảng Trị
999	50305967	NGUYEN VAN BINH	20/04/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A075	Quảng Trị
1000	50305969	TRAN DUC DUY	15/05/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A076	Quảng Trị
1001	50305970	LA THI THUY	13/08/2005	Nữ	15/11/2025	Ca 1	4	A077	Quảng Trị
1002	50305971	NGUYEN NGOC SON	15/10/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A078	Quảng Trị
1003	50305972	TRAN TUAN ANH	14/08/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A079	Quảng Trị
1004	50305976	HOANG VAN KHANG	02/04/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A080	Quảng Trị
1005	50305977	HOANG THI LE TRINH	17/02/2005	Nữ	15/11/2025	Ca 1	4	A081	Quảng Trị
1006	50305978	NGUYEN VAN BINH	03/01/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A082	Quảng Trị
1007	50305979	CAO SY NGHIA	05/08/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A083	Quảng Trị
1008	50305982	HOANG THI NA	07/01/1993	Nữ	15/11/2025	Ca 1	4	A084	Quảng Trị
1009	50305983	TRAN MANH HUNG	04/10/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A085	Quảng Trị
1010	50305987	MAI VAN BUU	10/05/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	4	A086	Quảng Trị
1011	50305989	TRAN THI THUY	15/10/1997	Nữ	15/11/2025	Ca 1	4	A087	Quảng Trị
1012	50305990	CAO THI TINH	16/11/2000	Nữ	15/11/2025	Ca 1	4	A088	Quảng Trị
1013	50305991	LE THANH THIEN	13/11/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A161	Quảng Trị
1014	50305993	NGUYEN VU DUY	24/10/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A162	Quảng Trị
1015	50305997	HOANG TIEN LUC	16/03/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A163	Quảng Trị
1016	50305998	PHAM HONG THUAN	18/06/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A164	Quảng Trị
1017	50305999	PHAM CUONG	10/10/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A165	Quảng Trị
1018	50306001	TRAN VAN KHANH	02/11/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A166	Quảng Trị
1019	50306003	BUI SY VAN	22/03/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A167	Quảng Trị
1020	50306004	TRINH XUAN HA	01/01/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A168	Quảng Trị
1021	50306006	TRUONG VAN TIEN	09/09/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A169	Quảng Trị
1022	50306007	MAI VAN HUAN	07/08/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A170	Quảng Trị
1023	50306008	PHAN VAN THANH	05/07/1988	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A171	Quảng Trị
1024	50306009	NGUYEN MINH BINH	11/08/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A172	Quảng Trị
1025	50306015	LE TIEN DUNG	10/05/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A173	Quảng Trị
1026	50306019	NGUYEN DANG KHOA	13/07/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A174	Quảng Trị
1027	50306021	HOANG DAN TRUONG	10/05/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A175	Quảng Trị
1028	50306022	TRAN DINH HOANG	15/10/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	8	A176	Quảng Trị
1029	50306023	NGUYEN DUC HUNG	15/03/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A177	Quảng Trị
1030	50306027	NGUYEN VAN TAI	16/06/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A178	Quảng Trị
1031	50306029	VO MINH DUC	18/07/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A179	Quảng Trị
1032	50306031	PHAN TAI LOC	31/05/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A180	Quảng Trị
1033	50306033	TRAN ANH TUAN	25/10/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A181	Quảng Trị
1034	50306034	NGUYEN VAN YEN	28/04/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A182	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1035	50306035	NGUYEN QUOC DUONG	13/04/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A183	Quảng Trị
1036	50306036	NGUYEN VAN BINH	28/04/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A184	Quảng Trị
1037	50306038	HO QUOC KHANH	02/09/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A185	Quảng Trị
1038	50306041	TRAN TRONG TIEN	07/08/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A186	Quảng Trị
1039	50306042	NGUYEN VAN THO	15/09/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A187	Quảng Trị
1040	50306044	NGUYEN VAN MINH	23/07/1988	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A188	Quảng Trị
1041	50306045	NGUYEN VAN NAM	20/05/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A189	Quảng Trị
1042	50306046	NGUYEN VAN SINH	19/10/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A190	Quảng Trị
1043	50306048	TRAN VAN DUONG	10/01/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A191	Quảng Trị
1044	50306050	HOANG VAN HAN	28/02/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A192	Quảng Trị
1045	50306051	TRAN MANH QUAN	05/12/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A193	Quảng Trị
1046	50306052	TRAN TUAN ANH	08/01/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A194	Quảng Trị
1047	50306053	PHAM TUNG DUONG	08/05/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A195	Quảng Trị
1048	50306055	DAO XUAN TOA	07/11/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A196	Quảng Trị
1049	50306056	HOANG HONG PHI	30/12/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A197	Quảng Trị
1050	50306057	NGUYEN ANH TAI	03/07/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	9	A198	Quảng Trị
1051	50306060	NGUYEN TRAN DAI	18/09/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A219	Quảng Trị
1052	50306061	TRAN XUAN THAI	16/07/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	10	A220	Quảng Trị
1053	50306062	BUI SY QUANG	01/05/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A281	Quảng Trị
1054	50306063	NGUYEN VAN LONG	06/05/2007	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A282	Quảng Trị
1055	50306065	HO THANH AN	30/10/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A283	Quảng Trị
1056	50306066	NGUYEN VAN MUOI	02/06/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A284	Quảng Trị
1057	50306067	NGO HUU THANH	18/01/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A285	Quảng Trị
1058	50306070	NGUYEN DINH NAM	20/10/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	13	A286	Quảng Trị
1059	50306072	NGUYEN TRUNG DUC	04/03/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A287	Quảng Trị
1060	50306074	PHAM THANH TRUONG	26/08/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A288	Quảng Trị
1061	50306075	PHAM DUC ANH	18/09/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A289	Quảng Trị
1062	50306077	NGUYEN VAN CHIEN	03/08/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A290	Quảng Trị
1063	50306078	NGUYEN ANH TUAN	10/10/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A291	Quảng Trị
1064	50306081	NGUYEN HONG BACH	22/02/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A292	Quảng Trị
1065	50306082	NGUYEN DUY KHANH	03/01/2007	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A293	Quảng Trị
1066	50306083	NGUYEN LY HUNG	29/10/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A294	Quảng Trị
1067	50306084	VO THANH BINH	08/06/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A295	Quảng Trị
1068	50306085	MAI VAN THANH	01/06/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A296	Quảng Trị
1069	50306088	PHAM QUOC VIET	10/02/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A297	Quảng Trị
1070	50306089	NGUYEN VAN DANH	10/12/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A298	Quảng Trị
1071	50306092	NGUYEN VAN PHUONG	22/01/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A299	Quảng Trị
1072	50306093	TRUONG QUOC KY	23/10/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A300	Quảng Trị
1073	50306094	TRUONG VAN DUAN	13/10/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A301	Quảng Trị
1074	50306096	NGUYEN VAN DONG	01/12/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A302	Quảng Trị
1075	50306098	PHUNG MANH HUNG	28/07/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A303	Quảng Trị
1076	50306100	TRAN VAN BAC	08/01/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A304	Quảng Trị
1077	50306101	NGUYEN NHU NGO	08/01/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A305	Quảng Trị
1078	50306103	NGUYEN VAN SON	05/09/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A306	Quảng Trị
1079	50306104	TRUONG VAN SU	02/03/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A307	Quảng Trị
1080	50306105	HOANG VAN KHOA	13/05/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	14	A308	Quảng Trị
1081	50306107	HOANG VAN TUAN	10/06/1994	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A319	Quảng Trị
1082	50306108	MAI VAN DIEN	25/09/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A320	Quảng Trị
1083	50306109	NGUYEN NGOC QUYNH	22/01/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A321	Quảng Trị
1084	50306110	NGUYEN SY QUAN VU	28/03/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A322	Quảng Trị
1085	50306112	NGUYEN NGOC MINH THI	29/09/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A323	Quảng Trị
1086	50306113	TRUONG VAN HAI	17/03/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A324	Quảng Trị
1087	50306114	DOI SY NHAT	11/04/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A325	Quảng Trị
1088	50306115	NGUYEN LY HUNG	18/02/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A326	Quảng Trị
1089	50306116	HOANG MINH THO	11/07/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A327	Quảng Trị
1090	50306117	NGUYEN VAN ANH	06/02/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A328	Quảng Trị
1091	50306118	MAI NGOC THUAN	12/05/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A329	Quảng Trị
1092	50306119	NGUYEN VAN NHAT	13/12/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A330	Quảng Trị
1093	50306120	HOANG VAN HIEN	15/06/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A401	Quảng Trị
1094	50306121	HOANG NHAN	13/11/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A402	Quảng Trị
1095	50306122	NGO XUAN TUYEN	15/02/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A403	Quảng Trị
1096	50306123	PHAM DUC VU	08/08/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A404	Quảng Trị
1097	50306125	HOANG VAN DUONG	10/06/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A405	Quảng Trị
1098	50306126	NGUYEN VAN SINH	18/09/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A406	Quảng Trị
1099	50306127	TRUONG VAN HIEN	26/08/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A407	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1100	50306128	NGUYEN VAN HIEP	19/07/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A408	Quảng Trị
1101	50306130	NGUYEN VAN TUAN	08/12/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A409	Quảng Trị
1102	50306133	MAI VAN LE	20/09/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A410	Quảng Trị
1103	50306134	NGUYEN MINH CHAU	23/05/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A411	Quảng Trị
1104	50306135	NGUYEN VAN TAM	26/02/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A412	Quảng Trị
1105	50306137	NGUYEN DUC NGHIA	07/10/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A413	Quảng Trị
1106	50306138	PHAM TRUONG NAM	14/02/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A414	Quảng Trị
1107	50306139	MAI QUOC MY	09/01/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A415	Quảng Trị
1108	50306140	TRUONG DINH THANG	27/08/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A416	Quảng Trị
1109	50306141	MAI VAN SON	20/12/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A417	Quảng Trị
1110	50306142	PHAM VAN PHUC	26/09/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	19	A418	Quảng Trị
1111	50306143	NGUYEN VAN CHUNG	10/10/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A419	Quảng Trị
1112	50306145	NGUYEN MINH HOANG	06/06/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A420	Quảng Trị
1113	50306146	NGUYEN VAN HOANG	17/05/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A421	Quảng Trị
1114	50306149	HO HAI VIET	06/07/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A422	Quảng Trị
1115	50306151	PHAM NHAT LINH	25/07/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A423	Quảng Trị
1116	50306152	PHAM THAI TOAN	15/09/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A424	Quảng Trị
1117	50306153	PHAM ANH KHANG	02/12/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A425	Quảng Trị
1118	50306154	MAI VAN TAM	18/05/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A426	Quảng Trị
1119	50306155	LE XUAN HUNG	28/08/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A427	Quảng Trị
1120	50306156	NGUYEN TRUONG GIANG	25/03/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A428	Quảng Trị
1121	50306159	TRAN NGUYEN THANH NHAN	05/02/2007	Nữ	15/11/2025	Ca 1	20	A429	Quảng Trị
1122	50306160	TRAN THI KIM PHUONG	03/01/2007	Nữ	15/11/2025	Ca 1	20	A430	Quảng Trị
1123	50306161	TRAN NGUYEN THANH NGUYET	05/02/2007	Nữ	15/11/2025	Ca 1	20	A431	Quảng Trị
1124	50306162	NGUYEN VAN HAI	30/06/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A432	Quảng Trị
1125	50306164	DONG ANH QUAN	13/06/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A433	Quảng Trị
1126	50306165	NGUYEN VAN PHUONG	28/09/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A434	Quảng Trị
1127	50306166	NGUYEN VAN HOANG	13/10/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A435	Quảng Trị
1128	50306167	HOANG VAN TRUONG	09/09/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A436	Quảng Trị
1129	50306168	HOANG VAN DUC	25/09/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A437	Quảng Trị
1130	50306170	LE QUY DAT	10/11/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A438	Quảng Trị
1131	50306171	HOANG VAN SAU	18/12/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A439	Quảng Trị
1132	50306172	HO QUOC KHANH	15/01/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	20	A440	Quảng Trị
1133	50306173	NGUYEN NHAT BANG	07/02/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B041	Quảng Trị
1134	50306174	MAI XUAN SON	21/12/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	2	B042	Quảng Trị
1135	50306175	TRAN VAN TRUYEN	09/07/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B043	Quảng Trị
1136	50306176	HO THI PHUONG	16/01/2005	Nữ	13/11/2025	Ca 2	3	B044	Quảng Trị
1137	50306177	LE VAN THONG	18/11/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B045	Quảng Trị
1138	50306178	NGUYEN THI THUY NGA	20/01/1994	Nữ	13/11/2025	Ca 2	3	B046	Quảng Trị
1139	50306179	HOANG TU DUY	13/06/1987	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B047	Quảng Trị
1140	50306180	TRAN DINH HUNG	30/07/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B048	Quảng Trị
1141	50306182	NGUYEN DUY TIEN	01/09/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B049	Quảng Trị
1142	50306183	HOANG VAN LANH	10/08/1988	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B050	Quảng Trị
1143	50306184	NGUYEN VAN TRUONG	25/04/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B051	Quảng Trị
1144	50306185	NGUYEN HUU THONG	04/11/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B052	Quảng Trị
1145	50306186	NGUYEN DINH QUY	10/05/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B053	Quảng Trị
1146	50306187	NGUYEN VAN NGUYEN	15/11/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B054	Quảng Trị
1147	50306188	HOANG THAI DUY	04/11/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B055	Quảng Trị
1148	50306189	HOANG ANH SON	19/04/2007	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B056	Quảng Trị
1149	50306190	HOANG BAO QUAN	08/08/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B057	Quảng Trị
1150	50306191	HO VAN THANH	12/07/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B058	Quảng Trị
1151	50306192	MAI XUAN DUC	08/09/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B059	Quảng Trị
1152	50306194	NGUYEN DINH THANG	02/12/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B060	Quảng Trị
1153	50306196	NGO VAN TUAN	10/03/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B061	Quảng Trị
1154	50306197	HO CONG MINH	10/07/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B062	Quảng Trị
1155	50306198	VO VAN ANH TUAN	07/11/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	3	B063	Quảng Trị
1156	50306199	NGUYEN HUU THANG	27/01/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B068	Quảng Trị
1157	50306200	TRAN TIEN DIEN	17/04/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B069	Quảng Trị
1158	50306201	NGO CONG PHI	17/07/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B070	Quảng Trị
1159	50306202	NGUYEN DUY LAI	06/12/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B071	Quảng Trị
1160	50306204	NGUYEN THUY TIEN	28/11/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B072	Quảng Trị
1161	50306205	TRAN DUC CHI	10/04/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B073	Quảng Trị
1162	50306206	PHAM HONG DUY	06/02/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B074	Quảng Trị
1163	50306207	NGUYEN DINH THU	07/04/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B075	Quảng Trị
1164	50306208	VO TUAN NAM	15/07/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B076	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1165	50306209	NGUYEN THANH DUY	27/10/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B077	Quảng Trị
1166	50306210	HOANG THI LAN	11/04/2007	Nữ	13/11/2025	Ca 2	4	B078	Quảng Trị
1167	50306215	MAI THI HONG	10/08/1997	Nữ	13/11/2025	Ca 2	4	B079	Quảng Trị
1168	50306218	NGUYEN VAN CANH	01/07/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B080	Quảng Trị
1169	50306221	TRAN XUAN AN	15/05/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B081	Quảng Trị
1170	50306223	HOANG VAN TOAN	24/07/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B082	Quảng Trị
1171	50306224	PHAN VAN TUAN	05/11/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B083	Quảng Trị
1172	50306225	LE VAN HOAN	17/10/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B084	Quảng Trị
1173	50306226	TRAN VAN LINH	02/06/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B161	Quảng Trị
1174	50306228	MAI VAN LANH	07/11/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B162	Quảng Trị
1175	50306233	HOANG XUAN HIEP	08/01/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B163	Quảng Trị
1176	50306236	NGUYEN VAN HAI	01/05/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B164	Quảng Trị
1177	50306237	MAI XUAN HAI	20/11/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B165	Quảng Trị
1178	50306240	HOANG VU LINH	19/09/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B166	Quảng Trị
1179	50306245	TRUONG THI THOM	15/04/1991	Nữ	13/11/2025	Ca 2	8	B167	Quảng Trị
1180	50306246	MAI VAN BIEN	07/09/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	8	B168	Quảng Trị
1181	50306248	TRAN TUAN DAT	10/01/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B169	Quảng Trị
1182	50306249	NGUYEN TIEN LUONG	04/03/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B170	Quảng Trị
1183	50306250	TRAN VAN QUYET	05/04/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B171	Quảng Trị
1184	50306251	LE QUOC HUNG	18/04/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B172	Quảng Trị
1185	50306254	PHAN THE LUONG	12/07/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B173	Quảng Trị
1186	50306256	TRAN CONG LUC	19/05/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B174	Quảng Trị
1187	50306257	TRAN DINH CHIEN	17/11/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B175	Quảng Trị
1188	50306258	NGUYEN THI LINH GIANG	27/08/1991	Nữ	13/11/2025	Ca 2	9	B176	Quảng Trị
1189	50306260	HOANG VAN SON	09/12/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B177	Quảng Trị
1190	50306263	LE VAN TOAN	26/05/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B178	Quảng Trị
1191	50306902	NGUYEN DUC THIEN	23/05/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B179	Quảng Trị
1192	50306904	BUI VAN HOA	05/05/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B180	Quảng Trị
1193	50306906	TRAN DINH PHIEN	18/02/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B181	Quảng Trị
1194	50306907	TRAN DINH CHINH	02/09/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B182	Quảng Trị
1195	50306908	TRAN DINH THAI SON	13/06/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B183	Quảng Trị
1196	50306909	NGUYEN DUY LUYT	03/03/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B184	Quảng Trị
1197	50306911	LE LU CAM	14/11/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B185	Quảng Trị
1198	50306912	PHAN VAN TINH	10/10/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B186	Quảng Trị
1199	50306913	TRAN MINH HAU	21/07/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B187	Quảng Trị
1200	50306914	LE NGUYEN THANH NHAN	01/03/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B188	Quảng Trị
1201	50306915	BUI MINH HOAI	12/08/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	9	B189	Quảng Trị
1202	50306916	NGUYEN PHUOC HAI	13/09/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B200	Quảng Trị
1203	50306918	TRAN VAN TIEN DAT	30/01/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B201	Quảng Trị
1204	50306919	NGUYEN VAN HUAN	02/11/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B202	Quảng Trị
1205	50306921	BUI VAN LE	24/08/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B203	Quảng Trị
1206	50306922	NGUYEN VAN HAI	18/09/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B204	Quảng Trị
1207	50306923	TRAN VAN CONG	04/06/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B205	Quảng Trị
1208	50306924	PHAN TAN PHAT	08/08/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B206	Quảng Trị
1209	50306925	PHAN VAN QUYEN	19/10/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B207	Quảng Trị
1210	50306931	TRAN HAI TAN	07/06/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B208	Quảng Trị
1211	50306932	NGUYEN DUY DAT	10/06/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B209	Quảng Trị
1212	50306934	NGUYEN TRONG VUONG	31/05/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B210	Quảng Trị
1213	50306935	LUONG VAN CHINH	10/11/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B353	Quảng Trị
1214	50306939	NGUYEN CHINH TIEN NHAT	10/01/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B354	Quảng Trị
1215	50306940	LE HUU QUYEN	21/02/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B355	Quảng Trị
1216	50306941	LE GIA LUAN	16/12/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B356	Quảng Trị
1217	50306944	TRAN TRONG HIEN	24/04/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	17	B357	Quảng Trị
1218	50306946	VO VAN HOI	11/12/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B358	Quảng Trị
1219	50306947	PHAN VAN AN	20/05/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B359	Quảng Trị
1220	50306948	PHAM VAN PHUC	01/03/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B360	Quảng Trị
1221	50306949	TRAN THANH HOAI	28/03/1986	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B361	Quảng Trị
1222	50306950	LE VAN DUNG	29/10/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B362	Quảng Trị
1223	50306951	TRAN DINH BINH	02/09/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B363	Quảng Trị
1224	50306952	VO MINH VI	13/03/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B364	Quảng Trị
1225	50306955	HOANG VAN Y LINH	19/02/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B365	Quảng Trị
1226	50306957	LE ANH	09/05/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B366	Quảng Trị
1227	50306958	LUONG VAN BI	02/10/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B367	Quảng Trị
1228	50306959	PHAM DINH THINH	20/07/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B368	Quảng Trị
1229	50306960	LE VAN TRUONG	12/09/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B369	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1230	50306962	NGUYEN VAN THAO	27/05/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B370	Quảng Trị
1231	50306963	NGUYEN VAN TINH	11/07/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B371	Quảng Trị
1232	50306964	NGUYEN VAN VU	05/04/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B372	Quảng Trị
1233	50306967	TRAN DUY KHUONG	20/05/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B373	Quảng Trị
1234	50306970	TRAN VAN HUNG	24/06/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B374	Quảng Trị
1235	50306971	LE NHI KHANG	11/11/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B375	Quảng Trị
1236	50306973	BUI VAN SUU	10/03/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B376	Quảng Trị
1237	50306974	LE VAN QUANG	09/08/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B377	Quảng Trị
1238	50306976	NGUYEN QUANG SANG	06/03/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	18	B378	Quảng Trị
1239	50306978	NGUYEN VAN HA	08/11/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B387	Quảng Trị
1240	50306979	TRUONG VAN HUY	15/06/2007	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B388	Quảng Trị
1241	50306980	NGUYEN VAN TUAN	24/02/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B389	Quảng Trị
1242	50306983	MAI VAN DANG	03/07/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B390	Quảng Trị
1243	50306987	HO VAN THINH	20/07/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B391	Quảng Trị
1244	50306988	BUI DINH MINH KIET	20/08/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B392	Quảng Trị
1245	50306989	DUONG MINH ANH	23/11/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B393	Quảng Trị
1246	50306991	LE VAN THIEN	08/09/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B394	Quảng Trị
1247	50306992	NGUYEN VAN HUY	15/07/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B395	Quảng Trị
1248	50306993	TRAN DUC HAI	20/04/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B396	Quảng Trị
1249	50306994	NGUYEN DUC DUNG	25/08/1988	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B397	Quảng Trị
1250	50306995	LE HOAI LINH	02/05/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B398	Quảng Trị
1251	50306998	DUONG VAN HA	10/07/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B399	Quảng Trị
1252	50307001	TRAN VAN TIEN	26/09/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B400	Quảng Trị
1253	50307002	HOANG CONG TUE	27/10/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A051	Quảng Trị
1254	50307003	LE VAN PHUONG	10/05/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A052	Quảng Trị
1255	50307005	TRAN RO BOP	18/02/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A053	Quảng Trị
1256	50307006	NGUYEN VAN QUYET	20/04/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A054	Quảng Trị
1257	50307007	LE QUANG TRIEU	05/09/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A055	Quảng Trị
1258	50307008	TRAN HAI HUNG	18/01/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A056	Quảng Trị
1259	50307009	TRAN VAN PHUC	05/02/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A057	Quảng Trị
1260	50307011	LE CONG TY	11/11/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A058	Quảng Trị
1261	50307012	NGUYEN CONG QUAN	07/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A059	Quảng Trị
1262	50307014	PHAM THANH NHAN	06/06/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A060	Quảng Trị
1263	50307018	TRUONG VAN TUONG	10/10/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A061	Quảng Trị
1264	50307019	TRAN DINH HAI	14/12/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A062	Quảng Trị
1265	50307021	NGUYEN PHUOC THIEM	19/03/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A063	Quảng Trị
1266	50307025	LE NHAT HUY	10/08/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A064	Quảng Trị
1267	50307026	PHAN THANH KHANH	10/01/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A065	Quảng Trị
1268	50307027	DOAN VAN LAM	20/08/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	3	A066	Quảng Trị
1269	50307028	NGUYEN TRUNG THUC	08/11/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A067	Quảng Trị
1270	50307030	LE XUAN TINH	10/06/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A068	Quảng Trị
1271	50307033	LE VAN QUYNH	20/11/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A069	Quảng Trị
1272	50307034	NGUYEN VAN HUY	30/07/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A070	Quảng Trị
1273	50307035	HA VAN KHOA	30/05/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A071	Quảng Trị
1274	50307037	LE VAN LAI	10/03/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A072	Quảng Trị
1275	50307038	LE ANH QUOC	01/02/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A073	Quảng Trị
1276	50307039	NGUYEN CONG MANH	10/12/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A074	Quảng Trị
1277	50307041	LE THI PHUOC	09/09/1992	Nữ	14/11/2025	Ca 1	4	A075	Quảng Trị
1278	50307042	TRAN DUC THONG	25/05/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A076	Quảng Trị
1279	50307044	NGUYEN VAN LUONG	04/06/1988	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A077	Quảng Trị
1280	50307046	TRAN HIEN	30/10/1988	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A078	Quảng Trị
1281	50307047	TRAN VAN TOAN	26/03/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A079	Quảng Trị
1282	50307049	NGUYEN BAO QUOC	21/07/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A080	Quảng Trị
1283	50307050	BUI ANH QUOC	09/05/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A081	Quảng Trị
1284	50307052	NGUYEN VAN NAM	05/05/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A082	Quảng Trị
1285	50307053	PHUNG NGOC DUNG	06/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A083	Quảng Trị
1286	50307060	NGUYEN VAN NHAT	04/02/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A084	Quảng Trị
1287	50307062	NGUYEN QUOC SANH	27/04/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A085	Quảng Trị
1288	50307063	HO VAN NGO	03/03/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A086	Quảng Trị
1289	50307064	TRAN DINH DAN	11/03/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A087	Quảng Trị
1290	50307066	LE VAN HUNG	17/01/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	4	A088	Quảng Trị
1291	50307069	LE VAN BA	10/03/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A109	Quảng Trị
1292	50307070	TRAN VAN LANH	30/09/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A110	Quảng Trị
1293	50307071	HOANG NGOC DAI	15/01/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A171	Quảng Trị
1294	50307072	NGUYEN VAN TAM	19/01/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A172	Quảng Trị

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1295	50307074	TRAN DINH PHUC	10/07/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A173	Quảng Trị
1296	50307075	TRAN VIET DAT	29/09/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A174	Quảng Trị
1297	50307077	HO VAN LINH	10/06/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A175	Quảng Trị
1298	50307082	NGUYEN VAN HOANG	08/04/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	8	A176	Quảng Trị
1299	50307084	NGUYEN CONG LOC	22/07/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A177	Quảng Trị
1300	50307085	VO VAN TUONG	16/08/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A178	Quảng Trị
1301	50307089	TRAN QUANG KHAI	27/05/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A179	Quảng Trị
1302	50307090	TRAN VIET BUT	19/05/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A180	Quảng Trị
1303	50307091	NGUYEN CONG BA	27/11/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A181	Quảng Trị
1304	50300882	PHAM VAN DIEP	04/07/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A233	Thanh Hóa
1305	50300884	TRUONG CONG HOA	15/05/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A234	Thanh Hóa
1306	50300885	DO VAN HUNG	03/07/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A235	Thanh Hóa
1307	50300886	TRAN XUAN PHONG	24/10/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A236	Thanh Hóa
1308	50300887	NGUYEN HOANG ANH	18/05/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A237	Thanh Hóa
1309	50300888	NGUYEN HOANG ANH	02/09/2004	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A238	Thanh Hóa
1310	50300889	NGUYEN VAN SANG	27/07/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A239	Thanh Hóa
1311	50300890	NGUYEN CONG HOAN	26/10/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	11	A240	Thanh Hóa
1312	50300891	TRINH VAN TUNG	03/05/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A309	Thanh Hóa
1313	50300892	DAO CHI LINH	10/06/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A310	Thanh Hóa
1314	50300893	NGUYEN VAN TIEN	24/03/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A311	Thanh Hóa
1315	50300894	NGUYEN VAN TUAN	04/07/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A312	Thanh Hóa
1316	50300895	BUI VAN HOI	15/05/1986	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A313	Thanh Hóa
1317	50300896	TRINH VAN HUNG	07/10/1986	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A314	Thanh Hóa
1318	50300897	NGUYEN THI LE	20/08/1997	Nữ	15/11/2025	Ca 1	15	A315	Thanh Hóa
1319	50300898	NGUYEN VAN TUAN	07/07/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A316	Thanh Hóa
1320	50300900	PHAM VAN BA	05/07/1998	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A317	Thanh Hóa
1321	50300902	NGUYEN NGOC CHAU	15/03/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	15	A318	Thanh Hóa
1322	50300903	NGUYEN VAN KHANG	30/08/2003	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A331	Thanh Hóa
1323	50300904	NGUYEN VAN THIEU	06/10/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A332	Thanh Hóa
1324	50300905	DONG VAN LINH	18/07/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A333	Thanh Hóa
1325	50300906	DAO VAN CHO	19/05/1986	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A334	Thanh Hóa
1326	50300908	LE CONG NAM	19/05/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A335	Thanh Hóa
1327	50300910	LE XUAN DIEU	28/05/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A336	Thanh Hóa
1328	50300911	NGUYEN THE DUC	05/09/1992	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A337	Thanh Hóa
1329	50300913	NGUYEN THI HUYEN	08/10/2002	Nữ	15/11/2025	Ca 1	16	A338	Thanh Hóa
1330	50300914	HOANG VAN HOAI	30/08/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A339	Thanh Hóa
1331	50300915	LE VAN KHANH	15/03/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A340	Thanh Hóa
1332	50300916	NGUYEN THANH LONG	21/04/2001	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A341	Thanh Hóa
1333	50300917	NGUYEN VAN DAI	15/01/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A342	Thanh Hóa
1334	50300918	NGUYEN VAN TUNG	02/08/1996	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A343	Thanh Hóa
1335	50300919	PHAM VAN HUY	09/05/2005	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A344	Thanh Hóa
1336	50300920	LE DINH TAM	26/03/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A345	Thanh Hóa
1337	50300921	NGUYEN VAN THANG	02/01/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A346	Thanh Hóa
1338	50300922	NGUYEN VAN TAM	05/03/1991	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A347	Thanh Hóa
1339	50300923	NGUYEN VAN QUANG	04/04/1987	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A348	Thanh Hóa
1340	50300924	NGUYEN TRONG DAI	28/06/2002	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A349	Thanh Hóa
1341	50300925	NGUYEN VAN SON	06/01/1995	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A350	Thanh Hóa
1342	50300926	NGUYEN VAN KHANH	03/06/1993	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A351	Thanh Hóa
1343	50300927	NGUYEN VAN TUYEN	18/07/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	16	A352	Thanh Hóa
1344	50300928	NGUYEN THI LY	20/03/1992	Nữ	15/11/2025	Ca 1	17	A353	Thanh Hóa
1345	50300929	LE VAN LONG	15/01/1989	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A354	Thanh Hóa
1346	50300930	PHAM VIET THANH	06/03/1990	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A355	Thanh Hóa
1347	50300931	LE DINH TAI	24/12/2000	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A356	Thanh Hóa
1348	50300932	LE VAN THIEN	08/05/2006	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A357	Thanh Hóa
1349	50300934	LE VAN NGOC ANH	20/06/1999	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A358	Thanh Hóa
1350	50300937	NGUYEN VAN HUNG	10/06/1997	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A359	Thanh Hóa
1351	50300938	DANG VAN DAI	18/03/1988	Nam	15/11/2025	Ca 1	17	A360	Thanh Hóa
1352	50300939	HOANG VAN MANH	03/02/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B064	Thanh Hóa
1353	50300940	MAI VAN ANH	06/09/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B065	Thanh Hóa
1354	50300941	NGO VAN SON	12/12/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B066	Thanh Hóa
1355	50300942	NGUYEN VAN THAI	20/08/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	4	B067	Thanh Hóa
1356	50300946	NGUYEN THANH LONG	20/11/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B085	Thanh Hóa
1357	50300948	TRINH VAN TIEP	30/06/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B086	Thanh Hóa
1358	50300950	NGUYEN XUAN CUONG	08/08/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B087	Thanh Hóa
1359	50300951	DUONG VAN TIEN	20/12/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B088	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1360	50300952	VU BA HUY	23/08/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B089	Thanh Hóa
1361	50300953	DAU VAN NAM	12/03/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B090	Thanh Hóa
1362	50300956	NGUYEN BA LUU	25/03/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B091	Thanh Hóa
1363	50300960	VU VAN DAT	27/11/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B092	Thanh Hóa
1364	50300961	NGUYEN VAN DOAI	19/01/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B093	Thanh Hóa
1365	50300965	PHAM VAN THO	26/07/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B094	Thanh Hóa
1366	50300966	LE VAN THAI	07/02/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B095	Thanh Hóa
1367	50300967	DANG VAN DUONG	07/02/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B096	Thanh Hóa
1368	50300969	HO ANH QUAN	27/02/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B097	Thanh Hóa
1369	50300970	DUONG HUY HOANG	07/10/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B098	Thanh Hóa
1370	50300971	TRAN VAN MANH	07/08/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B099	Thanh Hóa
1371	50300974	CHU DINH NINH	16/10/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B100	Thanh Hóa
1372	50300975	NGUYEN TRONG TUAN ANH	23/04/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B101	Thanh Hóa
1373	50300976	LE VAN AN	04/11/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B102	Thanh Hóa
1374	50300977	NGUYEN VAN THIEN	01/07/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B103	Thanh Hóa
1375	50300978	NGUYEN VAN KIEN	16/11/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B104	Thanh Hóa
1376	50300979	NGO VAN BIEN	17/03/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	5	B105	Thanh Hóa
1377	50300980	PHAM VAN DUONG	24/10/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B106	Thanh Hóa
1378	50300981	PHAM XUAN DUONG	10/06/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B107	Thanh Hóa
1379	50300982	NGUYEN THANH TAN	28/02/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B108	Thanh Hóa
1380	50300983	NGUYEN VAN DUY	11/06/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B109	Thanh Hóa
1381	50300984	NGUYEN HUU HAI	20/09/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B110	Thanh Hóa
1382	50300985	DUONG VAN TUAN	01/11/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B111	Thanh Hóa
1383	50300986	TRAN VAN THAI	16/08/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B112	Thanh Hóa
1384	50300987	NGUYEN VAN CHUNG	22/07/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B113	Thanh Hóa
1385	50300989	TRUONG THI HOA	07/02/1993	Nữ	13/11/2025	Ca 2	6	B114	Thanh Hóa
1386	50300990	DOAN CONG CUONG	08/06/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B115	Thanh Hóa
1387	50300991	TRAN VAN SON	10/01/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B116	Thanh Hóa
1388	50300992	TRAN VAN LONG	20/01/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B117	Thanh Hóa
1389	50300993	DUONG VAN MY	05/09/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B118	Thanh Hóa
1390	50300994	PHAM VAN PHONG	20/01/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B119	Thanh Hóa
1391	50300995	NGUYEN VAN SAC DAY	27/03/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	6	B120	Thanh Hóa
1392	50300996	NGUYEN SY HIEU	26/07/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B190	Thanh Hóa
1393	50300997	BACH THI KIM ANH	08/05/1998	Nữ	13/11/2025	Ca 2	10	B191	Thanh Hóa
1394	50300998	PHAM VAN THO	23/06/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B192	Thanh Hóa
1395	50300999	NGO VAN CONG	20/11/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B193	Thanh Hóa
1396	50301000	BUI VAN THE	05/03/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B194	Thanh Hóa
1397	50301001	LE CANH CUONG	04/02/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B195	Thanh Hóa
1398	50301002	TRAN THE TUAN.	02/08/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B196	Thanh Hóa
1399	50301003	PHAM VIET SON	04/05/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B197	Thanh Hóa
1400	50301004	HO SY THANH	19/10/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B198	Thanh Hóa
1401	50301005	LAM BA DUC DUONG	15/12/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	10	B199	Thanh Hóa
1402	50301006	NGUYEN TRONG NGOC	07/01/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B211	Thanh Hóa
1403	50301007	BUI VAN THU	05/02/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B212	Thanh Hóa
1404	50301008	NGUYEN VAN DUY	13/03/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B213	Thanh Hóa
1405	50301010	NGUYEN DINH TRONG	15/03/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B214	Thanh Hóa
1406	50301011	TO VAN DUAN	10/02/1987	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B215	Thanh Hóa
1407	50301012	PHAM VAN MANH	16/05/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B216	Thanh Hóa
1408	50301014	PHAM VAN NHAT	12/05/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B217	Thanh Hóa
1409	50301016	PHAM VAN SON	03/10/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B218	Thanh Hóa
1410	50301017	DUONG DINH TOAN	18/10/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B219	Thanh Hóa
1411	50301018	DUONG DINH THANH	15/12/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B220	Thanh Hóa
1412	50301019	TONG THI LOAN	16/08/2003	Nữ	13/11/2025	Ca 2	11	B221	Thanh Hóa
1413	50301020	BUI THI HUE	15/01/1995	Nữ	13/11/2025	Ca 2	11	B222	Thanh Hóa
1414	50301023	PHAM VAN LOAN	21/04/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B223	Thanh Hóa
1415	50301024	DUONG VAN TOAN	05/06/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B224	Thanh Hóa
1416	50301025	NGUYEN VAN QUAN	06/10/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B225	Thanh Hóa
1417	50301026	DO XUAN VINH	21/03/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B226	Thanh Hóa
1418	50301029	TRAN VAN CHIEN	18/02/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B227	Thanh Hóa
1419	50301030	TRAN TIEN DAT	04/04/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B228	Thanh Hóa
1420	50301031	LE HUU TAI	15/09/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B229	Thanh Hóa
1421	50301034	LE MINH LUONG	28/01/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B230	Thanh Hóa
1422	50301035	PHAM VAN VU	22/08/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	11	B231	Thanh Hóa
1423	50301037	CAO VAN NGUYEN	27/06/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B232	Thanh Hóa
1424	50301038	NGUYEN TRONG XUAN HAO	23/05/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B233	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1425	50301040	NGUYEN VAN MANH	15/08/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B234	Thanh Hóa
1426	50301041	MAI HUNG SAN	03/03/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B235	Thanh Hóa
1427	50301042	BUI HUY HOANG	10/06/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B236	Thanh Hóa
1428	50301043	LE VAN THANG	10/09/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B237	Thanh Hóa
1429	50301044	BUI MINH TUAN	13/05/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B238	Thanh Hóa
1430	50301045	BUI VAN TU	07/08/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B239	Thanh Hóa
1431	50301046	HOANG DUY DUNG	14/07/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	12	B240	Thanh Hóa
1432	50301047	DAU VAN PHUC	13/09/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B274	Thanh Hóa
1433	50301048	TANG VAN THANG	09/05/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B275	Thanh Hóa
1434	50301049	PHAM TUAN VU	06/12/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B276	Thanh Hóa
1435	50301050	MAI VAN CHIEN	27/09/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B277	Thanh Hóa
1436	50301051	NGUYEN VAN HUY	23/04/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B278	Thanh Hóa
1437	50301052	NGUYEN VAN NAM	14/04/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B279	Thanh Hóa
1438	50301054	NGUYEN VAN TUYEN	12/01/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B280	Thanh Hóa
1439	50301055	NGUYEN VAN DUNG	18/06/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B281	Thanh Hóa
1440	50301056	NGUYEN VAN TUAN	10/10/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B282	Thanh Hóa
1441	50301057	PHAM MANH DINH	21/11/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B283	Thanh Hóa
1442	50301058	PHAM VAN TRUNG	05/08/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B284	Thanh Hóa
1443	50301059	LE VAN TUAN	25/03/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B285	Thanh Hóa
1444	50301060	TRINH VAN KHAN	22/02/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B286	Thanh Hóa
1445	50301061	DO VAN SINH	05/07/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	14	B287	Thanh Hóa
1446	50301062	NGUYEN VAN TUONG	04/06/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B295	Thanh Hóa
1447	50301063	NGUYEN QUOC TUAN	29/07/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B296	Thanh Hóa
1448	50301064	TRIEU ANH TUNG	25/05/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B297	Thanh Hóa
1449	50301065	NGUYEN VAN CHIEN	03/03/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B298	Thanh Hóa
1450	50301066	DUONG VAN HUNG	29/08/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B299	Thanh Hóa
1451	50301067	NGUYEN THI HIEN	05/06/1994	Nữ	13/11/2025	Ca 2	15	B300	Thanh Hóa
1452	50301068	NGUYEN VAN HUNG	10/06/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B301	Thanh Hóa
1453	50301069	NGUYEN VAN QUY	10/11/1990	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B302	Thanh Hóa
1454	50301070	MAI PHAM DUC	07/11/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B303	Thanh Hóa
1455	50301071	NGUYEN DAO THANH	10/07/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B304	Thanh Hóa
1456	50301072	DINH QUANG THANH	05/06/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B305	Thanh Hóa
1457	50301073	TRAN DUC THIEN	21/08/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B306	Thanh Hóa
1458	50301074	NGUYEN DINH VAN	05/10/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B307	Thanh Hóa
1459	50301075	TRUONG DINH THANH	19/06/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B308	Thanh Hóa
1460	50301076	LE THANH LONG	15/11/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B309	Thanh Hóa
1461	50301077	LE VAN DUONG	08/05/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B310	Thanh Hóa
1462	50301078	NGUYEN CONG NGUYEN	03/11/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B311	Thanh Hóa
1463	50301080	NGUYEN HUY HOANG	13/06/1997	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B312	Thanh Hóa
1464	50301084	TRAN VAN OAI	20/05/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B313	Thanh Hóa
1465	50301085	NGUYEN VAN NAM KHANH	17/02/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B314	Thanh Hóa
1466	50301086	TRAN VAN SY	25/03/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	15	B315	Thanh Hóa
1467	50301087	NGUYEN VAN CHUC	10/08/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B316	Thanh Hóa
1468	50301091	BUI VAN THAI	20/01/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B317	Thanh Hóa
1469	50301092	NGUYEN THI THU	12/02/1996	Nữ	13/11/2025	Ca 2	16	B318	Thanh Hóa
1470	50301093	DAO TRONG TRI	14/08/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B319	Thanh Hóa
1471	50301095	NGO VAN SON	09/06/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	16	B320	Thanh Hóa
1472	50301096	LE VIET NHO	24/04/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B379	Thanh Hóa
1473	50301098	PHAM VAN SANG	06/09/1992	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B380	Thanh Hóa
1474	50301099	TRAN VAN DAN	27/11/2002	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B381	Thanh Hóa
1475	50301100	HOANG ANH VAN	09/05/2005	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B382	Thanh Hóa
1476	50301101	NGUYEN DINH TAN	17/07/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B383	Thanh Hóa
1477	50301102	TRAN THANH TAM	20/02/1989	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B384	Thanh Hóa
1478	50301103	NGO VAN HAI	19/01/2006	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B385	Thanh Hóa
1479	50301104	NGUYEN VAN CUONG	24/04/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	19	B386	Thanh Hóa
1480	50301105	LE VAN HUNG	30/06/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B401	Thanh Hóa
1481	50301106	TRAN NGOC ANH	05/06/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B402	Thanh Hóa
1482	50301107	VU DINH HUNG	02/06/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B403	Thanh Hóa
1483	50301108	LE VAN LINH	23/04/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B404	Thanh Hóa
1484	50301109	NGUYEN VAN TUNG	15/12/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B405	Thanh Hóa
1485	50301110	PHAM GIA THANH	27/06/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B406	Thanh Hóa
1486	50301111	NGUYEN MINH HIEU	13/08/1995	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B407	Thanh Hóa
1487	50301112	VU VAN QUANG	22/08/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B408	Thanh Hóa
1488	50301113	VO VAN SON	21/11/1988	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B409	Thanh Hóa
1489	50301114	NGUYEN HUU LINH	26/11/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B410	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1490	50301115	VU VAN GIOI	05/06/1996	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B411	Thanh Hóa
1491	50301116	DO NGOC LUAN	02/09/1991	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B412	Thanh Hóa
1492	50301117	BUI VAN THAI	30/07/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B413	Thanh Hóa
1493	50301118	DANG VAN LONG	17/01/2000	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B414	Thanh Hóa
1494	50301120	VU DINH TUAN ANH	02/09/1999	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B415	Thanh Hóa
1495	50301121	NGUYEN VAN NGOC	13/06/1988	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B416	Thanh Hóa
1496	50301122	TRAN TRONG HIEU	30/08/2004	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B417	Thanh Hóa
1497	50301123	TRAN VAN NHAN	10/09/1994	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B418	Thanh Hóa
1498	50301124	NGO VAN DOI	06/03/1993	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B419	Thanh Hóa
1499	50301125	TRUONG NGOC SON	03/01/2001	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B420	Thanh Hóa
1500	50301127	LE NGOC MINH	04/11/1998	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B421	Thanh Hóa
1501	50301129	LUONG VAN CHUNG	08/03/2003	Nam	13/11/2025	Ca 2	20	B422	Thanh Hóa
1502	50301130	BUI VAN HIEU	05/07/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A001	Thanh Hóa
1503	50301131	PHAM VAN MANH	21/08/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A002	Thanh Hóa
1504	50301133	CAO VAN THANH	18/11/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A003	Thanh Hóa
1505	50301134	LE QUOC TUAN	15/12/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A004	Thanh Hóa
1506	50301135	PHAM VAN TUAN	13/10/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A005	Thanh Hóa
1507	50301136	NGUYEN HUU NAM	26/10/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A006	Thanh Hóa
1508	50301137	TO VU HUY	24/07/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A007	Thanh Hóa
1509	50301138	LE TRUONG THOM	22/10/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A008	Thanh Hóa
1510	50301139	LE XUAN TUAN	20/12/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A009	Thanh Hóa
1511	50301143	BUI VAN MINH	23/07/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	1	A010	Thanh Hóa
1512	50301144	NGUYEN HUU DUNG	19/05/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A089	Thanh Hóa
1513	50301145	LE DINH TUAN	10/08/1988	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A090	Thanh Hóa
1514	50301146	LE NHU VIET	05/12/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A091	Thanh Hóa
1515	50301147	NGUYEN VAN NHAT	02/07/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A092	Thanh Hóa
1516	50301148	VU VAN VO	15/06/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A093	Thanh Hóa
1517	50301149	NGUYEN VAN BINH	29/05/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A094	Thanh Hóa
1518	50301150	LUONG NGOC TAM	02/04/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A095	Thanh Hóa
1519	50301151	NGUYEN VAN PHUNG	19/10/1986	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A096	Thanh Hóa
1520	50301152	LE NHU HAO	07/02/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A097	Thanh Hóa
1521	50301153	VU TIEN VAN	21/01/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A098	Thanh Hóa
1522	50301154	NGUYEN VAN HA	04/07/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A099	Thanh Hóa
1523	50301155	NGO VAN THANH	03/05/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A100	Thanh Hóa
1524	50301156	NGO VAN DUY	15/08/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A101	Thanh Hóa
1525	50301157	DUONG VAN BAO	02/08/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A102	Thanh Hóa
1526	50301158	NGO VAN TO	10/05/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A103	Thanh Hóa
1527	50301159	NGUYEN VAN NGOC	14/05/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A104	Thanh Hóa
1528	50301160	NGUYEN VAN THANG	12/02/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A105	Thanh Hóa
1529	50301162	NGUYEN VAN TUAN	12/10/1988	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A106	Thanh Hóa
1530	50301164	HOANG VAN MINH	03/04/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A107	Thanh Hóa
1531	50301165	NGUYEN VAN LA	05/08/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	5	A108	Thanh Hóa
1532	50301166	DOAN VAN LINH	06/12/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A111	Thanh Hóa
1533	50301167	NGUYEN VAN TINH	01/03/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A112	Thanh Hóa
1534	50301169	CHU DOAN MINH	23/06/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A113	Thanh Hóa
1535	50301172	LE VAN LONG	05/05/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A114	Thanh Hóa
1536	50301173	LU TRONG NAM	08/11/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A115	Thanh Hóa
1537	50301174	NGUYEN VAN NAM	11/11/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A116	Thanh Hóa
1538	50301175	TRAN TRI LY	10/02/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A117	Thanh Hóa
1539	50301177	NGO HUU THAI	07/06/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A118	Thanh Hóa
1540	50301178	HA VAN KHOA	07/10/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A119	Thanh Hóa
1541	50301179	LE VAN AN	20/09/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A120	Thanh Hóa
1542	50301180	NGUYEN DINH CUONG	10/02/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A121	Thanh Hóa
1543	50301181	NGUYEN VAN TRUONG	06/05/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A122	Thanh Hóa
1544	50301182	NGUYEN HUU VIET	25/06/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A123	Thanh Hóa
1545	50301183	CAO THANH DONG	12/12/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A124	Thanh Hóa
1546	50301185	NGUYEN SY HAU	17/09/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A125	Thanh Hóa
1547	50301186	CHU VAN TUNG	19/05/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A126	Thanh Hóa
1548	50301188	BUI TRI DAI	26/11/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A127	Thanh Hóa
1549	50301189	NGUYEN DINH PHU	08/02/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A128	Thanh Hóa
1550	50301190	NGO VAN HAO	05/09/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A129	Thanh Hóa
1551	50301191	NGO VAN VU	12/09/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	6	A130	Thanh Hóa
1552	50301192	NGUYEN DINH HIEU	04/03/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A199	Thanh Hóa
1553	50301193	TRAN THI PHUONG	04/05/1998	Nữ	14/11/2025	Ca 1	10	A200	Thanh Hóa
1554	50301194	LUONG VAN TRUYEN	07/06/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A201	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1555	50301195	TRUONG CONG TRINH	21/04/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A202	Thanh Hóa
1556	50301196	HO THI HA	08/02/2000	Nữ	14/11/2025	Ca 1	10	A203	Thanh Hóa
1557	50301197	TRAN CHI NAM	18/12/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A204	Thanh Hóa
1558	50301198	DINH THI PHUONG	19/01/1992	Nữ	14/11/2025	Ca 1	10	A205	Thanh Hóa
1559	50301199	PHAM VAN DAO	15/03/1987	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A206	Thanh Hóa
1560	50301203	TRAN TRI DUONG	09/04/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A207	Thanh Hóa
1561	50301208	NGUYEN HUU CHUONG	12/07/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A208	Thanh Hóa
1562	50301209	LE VAN DIEP	10/11/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A221	Thanh Hóa
1563	50301211	LE DINH TUAN	12/05/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A222	Thanh Hóa
1564	50301212	DUONG VAN HUY	03/09/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A223	Thanh Hóa
1565	50301213	NGUYEN HUU TUNG	31/07/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A224	Thanh Hóa
1566	50301215	VU VAN GIANG	27/12/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A225	Thanh Hóa
1567	50301216	PHAM XUAN HUY	18/12/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A226	Thanh Hóa
1568	50301217	VU QUOC LONG	29/08/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A227	Thanh Hóa
1569	50301218	LE VAN PHONG	21/08/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A228	Thanh Hóa
1570	50301219	TRAN TRI HUNG	29/07/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A229	Thanh Hóa
1571	50301221	VU DINH PHUC	13/03/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A230	Thanh Hóa
1572	50301222	CAO VAN HUNG	12/01/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A231	Thanh Hóa
1573	50301223	NGUYEN VAN DUY	12/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A232	Thanh Hóa
1574	50301224	NGUYEN VAN DUY	01/05/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A233	Thanh Hóa
1575	50301225	TRAN TRI VY	10/10/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A234	Thanh Hóa
1576	50301227	CHU VAN TU	05/03/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A235	Thanh Hóa
1577	50301228	VIEN DINH QUAN	18/05/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A236	Thanh Hóa
1578	50301229	LE VAN QUY	17/12/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A237	Thanh Hóa
1579	50301231	TRINH VAN SON	25/09/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A238	Thanh Hóa
1580	50301233	NGUYEN HUU HUNG	12/10/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A239	Thanh Hóa
1581	50301234	TRAN TRI TAM	21/12/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A240	Thanh Hóa
1582	50301235	TRAN VAN TUNG	03/06/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A241	Thanh Hóa
1583	50301236	NGUYEN VAN THANG	20/08/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	11	A242	Thanh Hóa
1584	50301237	VAN DINH TRUONG	01/07/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A243	Thanh Hóa
1585	50301238	LE DOAN HOANG	29/04/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A244	Thanh Hóa
1586	50301240	DO VAN MINH	12/02/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A245	Thanh Hóa
1587	50301241	CHU HUU DA	02/05/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A246	Thanh Hóa
1588	50301242	NGUYEN SI TRI DUNG	13/04/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A247	Thanh Hóa
1589	50301243	VU NHU HUY	24/12/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A248	Thanh Hóa
1590	50301245	VU NHU TUAN	22/07/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A249	Thanh Hóa
1591	50301246	NGUYEN THANH CHUNG QUOC	13/03/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	12	A250	Thanh Hóa
1592	50301247	TRUONG DUC DONG	20/10/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A331	Thanh Hóa
1593	50301248	LE TRUNG LONG	20/02/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A332	Thanh Hóa
1594	50301250	NGUYEN VAN XUAN	01/02/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A333	Thanh Hóa
1595	50301251	TRUONG DUC DINH	19/05/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A334	Thanh Hóa
1596	50301253	TRUONG KHANH TUNG	11/08/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A335	Thanh Hóa
1597	50301255	NGUYEN SY HUNG	17/03/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A336	Thanh Hóa
1598	50301256	NGUYEN VIET THANH	22/12/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A337	Thanh Hóa
1599	50301257	NGUYEN SY DAT	18/04/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A338	Thanh Hóa
1600	50301258	NGUYEN VAN THANH	25/09/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A339	Thanh Hóa
1601	50301259	VIEN DINH BA	01/01/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A340	Thanh Hóa
1602	50301260	NGUYEN THI HUYEN	04/04/1991	Nữ	14/11/2025	Ca 1	16	A341	Thanh Hóa
1603	50301261	THUA VAN HOA	16/06/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A342	Thanh Hóa
1604	50301262	HOANG VAN BINH	10/06/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A343	Thanh Hóa
1605	50301263	PHAM VAN HAI	05/05/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A344	Thanh Hóa
1606	50301265	NGUYEN THI THUY	15/09/2002	Nữ	14/11/2025	Ca 1	16	A345	Thanh Hóa
1607	50301266	LE THI MAI	20/10/1989	Nữ	14/11/2025	Ca 1	16	A346	Thanh Hóa
1608	50301267	NGUYEN VAN TUNG	24/08/1988	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A347	Thanh Hóa
1609	50301268	PHAM NGOC DUONG	06/05/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A348	Thanh Hóa
1610	50301269	NGO HUU VU	20/06/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A349	Thanh Hóa
1611	50301273	LE NGOC QUYEN	06/04/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A350	Thanh Hóa
1612	50301274	CAO VAN TU	20/05/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A351	Thanh Hóa
1613	50301275	CAO VAN LAM	15/02/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	16	A352	Thanh Hóa
1614	50301276	LE VAN HUNG	08/11/2000	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A353	Thanh Hóa
1615	50301277	LUONG VAN HIEP	10/08/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A354	Thanh Hóa
1616	50301278	TRAN TRI CHAU	02/01/1990	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A355	Thanh Hóa
1617	50301279	LE TIEN ANH	18/08/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A356	Thanh Hóa
1618	50301280	TRAN NGOC HUY	30/11/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A357	Thanh Hóa
1619	50301281	DO LONG VU	21/03/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A358	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1620	50301282	DO VAN HUYNH	15/03/1987	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A359	Thanh Hóa
1621	50301285	NGUYEN TIEN DAT	15/02/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A360	Thanh Hóa
1622	50301286	LE PHAM ANH	18/08/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A361	Thanh Hóa
1623	50301287	NGO VAN TUAN	28/09/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A362	Thanh Hóa
1624	50301288	PHAM GIA SINH	23/08/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A363	Thanh Hóa
1625	50301289	LE KHA THINH	02/05/1991	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A364	Thanh Hóa
1626	50301290	NGO VAN TAY	23/02/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A365	Thanh Hóa
1627	50301292	LE VAN HAI	01/04/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A366	Thanh Hóa
1628	50301293	VAN HUY TUAN ANH	03/06/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A367	Thanh Hóa
1629	50301294	VAN DINH VAN ANH	17/03/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A368	Thanh Hóa
1630	50301295	TRAN TUAN VU	09/03/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A369	Thanh Hóa
1631	50301297	TRUONG VAN NHAM	01/02/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	17	A370	Thanh Hóa
1632	50301298	TRUONG VAN CUONG	23/01/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B001	Thanh Hóa
1633	50301299	NGUYEN VAN HAU	07/03/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B002	Thanh Hóa
1634	50301300	NGUYEN HUU CHUYEN	06/10/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B003	Thanh Hóa
1635	50301301	NGUYEN HUU SON	05/04/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B004	Thanh Hóa
1636	50301302	LU VAN LUAN	16/06/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B005	Thanh Hóa
1637	50301303	CHU VAN THE	15/01/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B006	Thanh Hóa
1638	50301305	TRUONG VAN BINH	29/09/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B007	Thanh Hóa
1639	50301307	TRUONG DUC THANH	10/02/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B008	Thanh Hóa
1640	50301308	TRINH DINH LINH	02/11/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B009	Thanh Hóa
1641	50301309	VU BA TRUNG	19/09/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B010	Thanh Hóa
1642	50301311	TRUONG TUAN PHAN	01/04/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B011	Thanh Hóa
1643	50301312	BUI DANH LUU	10/03/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	1	B012	Thanh Hóa
1644	50301313	VU VAN SAM	23/08/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B023	Thanh Hóa
1645	50301314	NGUYEN VAN QUYET	12/04/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B024	Thanh Hóa
1646	50301315	LU VAN CONG	25/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B025	Thanh Hóa
1647	50301317	NGUYEN LONG NHAT	26/05/2000	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B026	Thanh Hóa
1648	50301318	NGUYEN VAN DONG	07/10/1987	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B027	Thanh Hóa
1649	50301319	NGUYEN HUU TUNG LAM	28/04/2001	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B028	Thanh Hóa
1650	50301320	NGUYEN NGOC SON	22/07/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B029	Thanh Hóa
1651	50301321	LE VAN TRUONG	10/11/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B030	Thanh Hóa
1652	50301322	LE VAN DUC	08/02/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B031	Thanh Hóa
1653	50301323	NGO VAN LUAN	12/07/1999	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B032	Thanh Hóa
1654	50301324	NGO THI MO	21/07/1997	Nữ	14/11/2025	Ca 2	2	B033	Thanh Hóa
1655	50301325	DAO VAN DONG	18/10/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B034	Thanh Hóa
1656	50301326	NGUYEN VAN CUONG	29/04/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B035	Thanh Hóa
1657	50301328	NGUYEN BA TINH	26/12/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B036	Thanh Hóa
1658	50301330	MAI TUAN ANH	07/07/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B037	Thanh Hóa
1659	50301331	LE TRUONG QUAN	05/10/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B038	Thanh Hóa
1660	50301332	NGUYEN VAN THAI	09/07/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B039	Thanh Hóa
1661	50301333	NGUYEN VAN THIEN	21/07/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B040	Thanh Hóa
1662	50301334	NGUYEN VAN DUC	20/03/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B041	Thanh Hóa
1663	50301336	PHAM VAN DUNG	10/03/1997	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B042	Thanh Hóa
1664	50301338	CHU THI PHUONG	27/05/1989	Nữ	14/11/2025	Ca 2	2	B043	Thanh Hóa
1665	50301339	LE NGOC LANH	02/08/2005	Nam	14/11/2025	Ca 2	2	B044	Thanh Hóa
1666	50301342	DOAN VAN DUC	10/10/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B045	Thanh Hóa
1667	50301343	VU VAN TRUONG	01/03/1994	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B046	Thanh Hóa
1668	50301346	LE TRONG THANH	15/04/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B047	Thanh Hóa
1669	50301347	NGUYEN VAN DONG	10/07/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B048	Thanh Hóa
1670	50301348	NGUYEN PHU HOANG	29/10/1998	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B049	Thanh Hóa
1671	50301349	DUONG VAN LINH	08/02/2006	Nam	14/11/2025	Ca 2	3	B050	Thanh Hóa
1672	50301351	NGUYEN QUANG TUNG	16/01/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B111	Thanh Hóa
1673	50301352	CAO DANG SANG	22/09/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	6	B112	Thanh Hóa
1674	50301354	LE TRUONG QUYEN	07/07/1988	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B133	Thanh Hóa
1675	50301355	NGUYEN VAN DUNG	24/04/2003	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B134	Thanh Hóa
1676	50301356	NGUYEN THI THUONG	05/02/2000	Nữ	14/11/2025	Ca 2	7	B135	Thanh Hóa
1677	50301357	PHAM VAN DUAN	25/10/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B136	Thanh Hóa
1678	50301359	CHU DINH TRANG	20/10/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B137	Thanh Hóa
1679	50301360	LE VAN THAI	08/04/1996	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B138	Thanh Hóa
1680	50301363	NGO XUAN TIEN	23/08/1991	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B139	Thanh Hóa
1681	50301364	DAU KHAC VAN	24/06/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B140	Thanh Hóa
1682	50301366	NGUYEN NGOC HIEP	25/05/1993	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B141	Thanh Hóa
1683	50301367	NGUYEN VAN NGUYEN	02/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B142	Thanh Hóa
1684	50301368	TRAN TRI DINH	03/02/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B143	Thanh Hóa

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngày thi	Ca thi	Nhóm	Số thẻ	Tỉnh/ thành phố
1685	50301372	MAI THI HONG	20/06/2003	Nữ	14/11/2025	Ca 2	7	B144	Thanh Hóa
1686	50301373	VU TRONG HANH	10/03/1995	Nam	14/11/2025	Ca 2	7	B145	Thanh Hóa
1687	50307701	NGUYEN VAN CANH	15/01/1993	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A186	TP Đà Nẵng
1688	50307702	TRUONG CONG MAN	03/10/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A187	TP Đà Nẵng
1689	50307703	TRAN LE TUAN	07/02/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A188	TP Đà Nẵng
1690	50307704	LAM QUANG HUNG	22/07/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A189	TP Đà Nẵng
1691	50307705	NGUYEN DUC HIEU	20/09/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A190	TP Đà Nẵng
1692	50307706	TRAN NGOC MANH	06/01/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A191	TP Đà Nẵng
1693	50307708	TRAN QUOC VANG	26/06/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A192	TP Đà Nẵng
1694	50307732	PHAM CONG HONG VAN	22/03/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A193	TP Đà Nẵng
1695	50307733	TO VAN TAN	17/01/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A194	TP Đà Nẵng
1696	50307734	HUYNH THANH HOANG	11/10/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A195	TP Đà Nẵng
1697	50307735	TRAN CONG HIEU	18/10/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A196	TP Đà Nẵng
1698	50307736	TRAN HOANG PHUC	30/04/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A197	TP Đà Nẵng
1699	50307737	TRAN CONG MINH TUAN	28/02/2006	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A198	TP Đà Nẵng
1700	50307738	HO QUOC MINH KHANH	04/11/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A209	TP Đà Nẵng
1701	50307739	NGUYEN MINH THANH	27/02/2003	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A210	TP Đà Nẵng
1702	50307740	TRAN CONG HUNG	12/10/2005	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A211	TP Đà Nẵng
1703	50307742	TRAN VAN DUY	27/01/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A212	TP Đà Nẵng
1704	50307744	NGUYEN MINH TUAN	25/05/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A213	TP Đà Nẵng
1705	50307745	DANG VAN LAN	06/10/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A214	TP Đà Nẵng
1706	50307746	LE QUOC SON	22/12/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A215	TP Đà Nẵng
1707	50307748	VO THANH VY	28/12/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A216	TP Đà Nẵng
1708	50307749	TRAN CONG GIA HUNG	07/01/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A217	TP Đà Nẵng
1709	50307750	NGUYEN VAN BONG	22/02/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A218	TP Đà Nẵng
1710	50307751	HO VAN PHUC	26/02/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A219	TP Đà Nẵng
1711	50307752	HO THANH PHUONG	19/05/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	10	A220	TP Đà Nẵng
1712	50307753	TRAN CONG LAM HUNG	17/07/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A291	TP Đà Nẵng
1713	50307754	TO THANH DUY	22/07/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A292	TP Đà Nẵng
1714	50307755	DUONG NHAT AN	20/06/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A293	TP Đà Nẵng
1715	50307756	HUYNH NGOC PA	21/07/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A294	TP Đà Nẵng
1716	50307757	NGUYEN HONG CHUNG	15/12/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A295	TP Đà Nẵng
1717	50307758	TRUONG CONG THAO	16/09/1994	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A296	TP Đà Nẵng
1718	50307760	LE VAN QUAN	22/07/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A297	TP Đà Nẵng
1719	50307761	TRAN BINH AN	03/03/1997	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A298	TP Đà Nẵng
1720	50307763	NGUYEN THI NHO	13/12/1988	Nữ	14/11/2025	Ca 1	14	A299	TP Đà Nẵng
1721	50307764	NGUYEN VAN CONG	10/07/1998	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A300	TP Đà Nẵng
1722	50307765	NGUYEN VAN TRONG	10/02/1999	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A301	TP Đà Nẵng
1723	50307767	HOANG THANH DUNG	22/08/1988	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A302	TP Đà Nẵng
1724	50307768	HO VAN TU	20/04/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A303	TP Đà Nẵng
1725	50307769	HO TAN TIN	20/06/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A304	TP Đà Nẵng
1726	50307770	NGUYEN VAN DUNG	10/08/1995	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A305	TP Đà Nẵng
1727	50307772	NGUYEN VAN QUAN	05/07/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A306	TP Đà Nẵng
1728	50307774	TRAN CONG HUY	19/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A307	TP Đà Nẵng
1729	50307775	NGUYEN THANH TAM	26/03/2004	Nam	14/11/2025	Ca 1	14	A308	TP Đà Nẵng
1730	50307776	PHAN VAN QUY	05/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A309	TP Đà Nẵng
1731	50307777	NGUYEN TRIU	24/04/1989	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A310	TP Đà Nẵng
1732	50307780	TRAN CONG NHO	17/10/1992	Nam	14/11/2025	Ca 1	15	A311	TP Đà Nẵng
1733	50300021	BUI DOAN KIEN	07/02/1987	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B397	TP Hải Phòng
1734	50300023	TRAN VAN TUYEN	13/10/1987	Nam	14/11/2025	Ca 2	19	B398	TP Hải Phòng
1735	50309221	TRAN TUAN KHANH	12/10/2004	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B217	TP Hồ Chí Minh
1736	50309222	LE HOANG TRUNG	17/11/2002	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B218	TP Hồ Chí Minh
1737	50309223	TRAN THANH NHI	15/12/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B219	TP Hồ Chí Minh
1738	50309225	LE TUAN	10/11/1992	Nam	14/11/2025	Ca 2	10	B220	TP Hồ Chí Minh
1739	50307601	DAO VAN AN	05/07/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A182	TP Huế
1740	50307602	LE THI ANH	26/10/1997	Nữ	14/11/2025	Ca 1	9	A183	TP Huế
1741	50307603	HUYNH DANG	09/12/1996	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A184	TP Huế
1742	50307604	PHAN VAN CHINH	24/05/2001	Nam	14/11/2025	Ca 1	9	A185	TP Huế